

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN : TRẦN THỊ QUỲNH ANH
MÃ SINH VIÊN : A17325
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN**

HÀ NỘI – 2015

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI**

Giáo viên hướng dẫn	: Ths. Mai Thanh Thủy
Sinh viên thực hiện	: Trần Thị Quỳnh Anh
Mã sinh viên	: A17325
Chuyên ngành	: Kế toán

HÀ NỘI - 2015

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo, cô giáo trường Đại học Thăng Long, đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo Ths. Mai Thanh Thủy đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này. Em cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị công tác tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội đã nhiệt tình giúp đỡ em trong việc cung cấp số liệu và thông tin thực tế để chứng minh cho các kết luận trong khóa luận.

Vì giới hạn kiến thức và khả năng lập luận của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài luận vẫn không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong sự thông cảm cũng như mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các thầy cô và công ty để đề tài của em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2015

Sinh viên

Trần Thị Quỳnh Anh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Trần Thị Quỳnh Anh

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	1
1.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.1. <i>Khái niệm, đặc điểm chi phí sản xuất xây lắp</i>	<i>1</i>
1.1.2. <i>Phân loại chi phí sản xuất</i>	<i>2</i>
1.1.3. <i>Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>3</i>
1.1.4. <i>Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>4</i>
1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	5
1.2.1. <i>Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp</i>	<i>5</i>
1.2.1.1. <i>Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp</i>	<i>5</i>
1.2.1.2. <i>Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp</i>	<i>6</i>
1.2.2. <i>Kế toán tập hợp chi phí sản xuất</i>	<i>7</i>
1.2.2.1. <i>Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	<i>7</i>
1.2.2.2. <i>Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	<i>9</i>
1.2.2.3. <i>Kế toán chi phí sử dụng máy thi công</i>	<i>10</i>
1.2.2.4. <i>Kế toán chi phí sản xuất chung</i>	<i>14</i>
1.2.3. <i>Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ</i>	<i>17</i>
1.2.3.1. <i>Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất</i>	<i>17</i>
1.2.3.2. <i>Đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ</i>	<i>18</i>
1.2.4. <i>Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>19</i>
1.2.4.1. <i>Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>19</i>
1.2.4.2. <i>Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>20</i>
1.2.4.3. <i>Thẻ tính giá thành sản phẩm xây lắp</i>	<i>20</i>
1.2.5. <i>Đặc điểm kế toán theo phương thức giao khoán trong doanh nghiệp xây lắp</i>	<i>21</i>
1.2.5.1. <i>Khoán cho các tổ đội để thi công</i>	<i>21</i>
1.2.5.2. <i>Kế toán tại đơn vị giao khoán và đơn vị nhận khoán</i>	<i>24</i>
1.3. Hệ thống sổ kế toán sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	27

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI..... 29

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội29

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển..... 29

2.1.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức và nhiệm vụ từng phòng ban..... 31

2.1.3. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty..... 33

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty. 34

2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:.....34

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng:.....35

2.1.4.3. Hệ thống phần mềm kế toán tại công ty.....36

2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội37

2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty..... 37

2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty..... 38

2.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp38

2.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....47

2.2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung55

2.2.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty..... 74

2.2.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại công ty.....74

2.2.3.2. Kế toán đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty80

2.2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty..... 80

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI..... 83

3.1. Đánh giá về thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội83

3.1.1. Ưu điểm 83

3.1.2. Hạn chế..... 84

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty86

3.3. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện	87
3.4. Các giải pháp hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	88
3.4.1. Hoàn thiện bộ máy kế toán.....	88
3.4.2. Hoàn thiện chứng từ kế toán	88
3.4.3. Hoàn thiện trình độ kế toán.....	88
3.4.4. Hoàn thiện phần mềm kế toán.....	89
3.4.5. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	91
3.4.6. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán	95
3.4.7. Một số kiến nghị khác	100

DANH MỤC VIẾT TẮT

Kí hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CT	Công trình
DDCK	Dỡ dăng cuối kỳ
DDĐK	Dỡ dăng đầu kỳ
GTGT	Giá trị gia tăng
HMCT	Hạng mục công trình
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
MTC	Máy thi công
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVL	Nguyên vật liệu
SXC	Sản xuất chung
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	9
Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	10
Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công (công ty có tổ chức riêng đội máy thi công và tổ chức hạch toán riêng).....	12
Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công (công ty không tổ chức đội máy thi công riêng và không tổ chức hạch toán riêng)	13
Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công khi công ty thuê ngoài.....	14
Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung	16
Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp	17
Sơ đồ 1.8. Kế toán giao khoán cho các tổ đội thi công	23
Sơ đồ 1.9. Kế toán tại đơn vị giao khoán	25
Sơ đồ 1.10. Kế toán tại đơn vị nhận khoán	26
Sơ đồ 1.11. Quy trình ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.12. Quy trình tổ chức sổ theo hình thức kế toán trên máy tính.....	28
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty	31
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	34
Sơ đồ 2.3. Trình tự hạch toán sổ theo hình thức kế toán trên máy tính	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1. Thẻ tính giá thành sản phẩm	21
Biểu 2.1. Giấy đề nghị tạm ứng.....	39
Biểu 2.2. Phiếu chi.....	39
Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT mua nguyên vật liệu	40
Biểu 2.4. Biên bản giao nhận hàng.....	41
Biểu 2.5. Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của kế toán đội	44
Biểu 2.6. Sổ chi tiết TK 621 (trích).....	46
Biểu 2.7. Hợp đồng lao động.....	47
Biểu 2.8. Bảng chấm công nhân công trực tiếp tháng 4.....	49
Biểu 2.9. Bảng thanh toán lương nhân công trực tiếp tháng 4.....	50
Biểu 2.10. Bảng tổng hợp lương nhân công trực tiếp	52

Biểu 2.11. Sổ chi tiết TK 622 (trích)	54
Biểu 2.12. Bảng chấm công ban chỉ huy tháng 4	57
Biểu 2.13. Bảng thanh toán lương ban chỉ huy tháng 4	58
Biểu 2.14. Bảng chấm công bộ phận quản lý tháng 4	59
Biểu 2.15. Bảng thanh toán lương bộ phận quản lý tháng 4	60
Biểu 2.16. Bảng tổng hợp lương quản lý đội xây lắp số 3	62
Biểu 2.17. Bảng dự toán kinh phí năm 2014 (Đội xây lắp 3)	63
Biểu 2.18. Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương đội 3	64
Biểu 2.19. Giấy đề nghị tạm ứng	69
Biểu 2.20. Phiếu chi	69
Biểu 2.21. Hóa đơn GTGT	70
Biểu 2.22. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung khác	72
Biểu 2.23. Sổ chi tiết TK 627	73
Biểu 2.24. Sổ nhật ký chung (trích)	76
Biểu 2.25. Bảng tính giá thành sản phẩm	81
Bảng 3.1. Mẫu sổ tính khấu hao TSCĐ	94
Bảng 3.2. Mẫu sổ chi tiết TK 621	96
Bảng 3.3. Mẫu sổ chi tiết TK 622	97
Bảng 3.4. Mẫu sổ chi tiết TK 6271	98
Bảng 3.5. Mẫu sổ chi tiết TK 6274	98
Bảng 3.6. Mẫu sổ chi tiết TK 6277	99
Bảng 3.7. Mẫu sổ chi tiết TK 627	100
Bảng 3.8. Báo cáo kết quả kinh doanh	101
Bảng 3.9. Báo cáo lợi nhuận từng công trình	102

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán CADS tại công ty	37
Hình 2.2. Màn hình nhập liệu	42
Hình 2.3. Màn hình nhập kho NVL	43
Hình 2.4. Màn hình sổ chi tiết TK 621 (*)	45
Hình 2.5 Màn hình sổ chi tiết TK 622(*)	53

Hình 2.6. Bảng phân bổ chi tiết tiền lương bộ phận sản xuất chung.....	66
Hình 2.7. Bảng phân bổ chi tiết TSCĐ đội xây lắp 3.....	67
Hình 2.8. Màn hình nhập liệu TK 6277.....	71
Hình 2.9. Màn hình sổ chi tiết TK 154 (*)	75
Hình 2.10. Màn hình sổ chi tiết TK 632 (*)	82
Hình 3.1. Màn hình phân hệ	89
Hình 3.2. Màn hình chi tiết phân hệ	90

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng cơ bản là một trong những lĩnh vực sản xuất vật chất lớn giữ vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt đối với Việt Nam, một đất nước đang phát triển thì xây dựng cơ bản được coi như là một ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng cơ bản tạo ra tài sản cố định cho nền kinh tế, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng và góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, nhiệm vụ đặt ra cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng đó là phải luôn chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn có hiệu quả, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, để giải quyết vấn đề trên, các doanh nghiệp cần phải quản lý và thực hiện tốt công tác kế toán mà đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Tập hợp kịp thời, đúng và chính xác chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý chi phí, giá thành, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội, em đã tập trung tìm hiểu về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đây. Vì vậy, em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội”** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Dựa trên những kiến thức, hiểu biết về kế toán đã được học để vận dụng tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội. Từ đó có thể đưa ra đánh giá, nhận xét, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đồng thời nêu ra các biện pháp khắc phục nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” tại công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội.

Phạm vi nghiên cứu là số liệu, chứng từ, sổ sách, báo cáo và các tài liệu liên quan đến thi công hạng mục công trình “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” trong năm 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, em đã sử dụng tổng hợp các phương pháp để làm rõ các vấn đề như phương pháp quan sát, phân tích, phương pháp phỏng vấn, phương pháp so sánh và đối chiếu, phương pháp thu thập số liệu thực tế từ Phòng Tài chính – Kế toán làm cơ sở phân tích.

5. Kết cấu khóa luận

Nội dung khóa luận được chia thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Chương 2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

Chương 3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

Do thời gian thực tập hạn chế và khả năng tiếp cận thông tin cũng như những kiến thức chuyên môn của bản thân có giới hạn nên bài luận vẫn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, nhắc nhở của các thầy cô trong bộ môn và cán bộ trong công ty để có thể hoàn thiện bài viết hơn nữa.

Xin được chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2015

Sinh viên

Trần Thị Quỳnh Anh

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

1.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm chi phí sản xuất xây lắp

Chi phí là một khái niệm cơ bản nhất của môn kế toán, của việc kinh doanh và trong kinh tế học, là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Theo phân loại của kế toán thì đó là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các loại hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Chi phí có rất nhiều loại vì vậy cần phải phân loại, sắp xếp các loại chi phí khác nhau vào từng nhóm theo đặc trưng nhất định nhằm phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán. Tuy nhiên lựa chọn tiêu thức phân loại nào là phải dựa vào yêu cầu của công tác quản lý hạch toán. Các loại chi phí khác nhau như: Chi phí sản xuất, chi phí tiêu dùng, chi phí giao dịch, chi phí cơ hội,...

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp nói chung là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động thuật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc 1 chu kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Nó là sự chuyển dịch vốn, giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá như (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ). Chi phí sản xuất của doanh nghiệp gồm nhiều khoản khác nhau cả về nội dung, tính chất, công dụng, mục đích... trong từng loại hình doanh nghiệp khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn có các loại chi phí chính như: tiền lương, tiền công, trích BHXH, khấu hao TSCĐ, chi phí NVL... Chi phí sản xuất phát sinh thường xuyên, hàng ngày, gắn liền với từng vị trí sản xuất, từng sản phẩm và loại hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tính toán, tổng hợp chi phí sản xuất cần được tiến hành trong thời gian nhất định. Các chi phí này cuối kỳ sẽ được bù đắp bằng doanh thu kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình biến đổi một cách có ý thức, có mục đích các yếu tố đầu vào tạo thành sản phẩm đó là những công trình, hạng mục công trình, các sản phẩm, lao vụ, dịch vụ phục vụ cho nền kinh tế.

Các yếu tố đầu vào đó là những tư liệu lao động, đối tượng lao động, dưới sự tác động của lao động qua quá trình biến đổi tạo thành các sản phẩm, công trình, hạng mục công trình,...

Để đo lường các hao phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong từng hoạt động kinh doanh, tổng hợp và xác định kết quả đầu vào phục vụ cho quá trình quản lý mọi hao phí đều được biểu hiện bằng thước đo tiền tệ gọi là chi phí sản xuất kinh doanh.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp.

Hao phí về lao động sống và lao động vật hóa bao gồm nhiều loại, mỗi loại có công dụng khác nhau, yêu cầu quản lý khác nhau trong quá trình sản xuất, để quản lý và sử dụng có hiệu quả cần phải phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu thức thích hợp.

1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong công tác hạch toán, trong công tác kiểm tra, phân tích chi phí và quản lý chặt chẽ chi phí bỏ ra để đảm bảo tiết kiệm chi phí. Có nhiều cách phân loại theo các tiêu thức khác nhau:

Phân loại chi phí theo yếu tố

Phân loại theo yếu tố chi phí là sắp xếp những chi phí có cùng tính chất kinh tế vào một loại, mỗi loại là một yếu tố chi phí. Theo cách này toàn bộ chi phí có thể chia thành các yếu tố:

- Nguyên liệu và vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị NVL chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, CCDC sử dụng vào sản xuất thi công xây lắp.
- Nhiên liệu, động lực: Bao gồm giá trị nhiên liệu, động lực sử dụng vào thi công xây lắp.
- Tiền lương và các khoản phụ cấp lương: Bao gồm tổng số tiền lương và các khoản phụ cấp phải trả cho công nhân xây lắp.
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: Được tính bằng tỷ lệ quy định trích từ quỹ tiền lương, tiền công của người lao động và các khoản phụ cấp lương theo chế độ hiện hành.
- Khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các đội thi công, quản lý sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào hoạt động kinh doanh.
- Chi phí bằng tiền: Là những chi phí bằng tiền khác chưa được phản ánh ở trong các yếu tố trên.

Phân loại chi phí theo khoản mục trong giá thành

Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng để phân loại chi phí thành các khoản mục sau:

- Chi phí NVL trực tiếp: Phản ánh toàn bộ giá trị NVL chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế,...trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất thi công xây lắp, chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tổng số tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương của công nhân trực tiếp thi công xây lắp.
- Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất chính, hay từng đội xây lắp gồm: tiền lương nhân viên quản lý, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho nhân viên quản lý và công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân lái và phục vụ máy thi công, khấu hao tài sản cố định (trừ khấu hao máy thi công), chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.
- Chi phí sử dụng máy thi công: Là khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng máy móc thi công trong việc thi công xây lắp như: chi phí NVL dùng cho máy thi công, lương công nhân lái máy, khấu hao máy thi công, chi phí khác.

Ngoài cách trên chi phí còn được phân loại theo: lĩnh vực kinh doanh, chức năng trong sản xuất kinh doanh, theo cách kết chuyển chi phí,...

1.1.3. Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra ở bất kỳ thời điểm nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ.

Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định.

Giá thành công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành toàn bộ là giá thành sản phẩm cuối cùng của sản xuất xây lắp.

Giá thành sản phẩm xây lắp là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định kết quả tài chính, là một trong những yêu cầu hạch toán trong nền kinh tế thị trường. Ngoài ra trong doanh nghiệp xây lắp, khi nhận thầu một công trình nào đó thì giá nhận thầu chính là giá bán đã có ngay trước khi thi công công trình. Như vậy, giá bán có trước khi xác định được giá thành thực tế của công trình nên giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp sẽ quyết định đến lãi, lỗ của doanh nghiệp.

1.1.4. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc,... mang tính đơn chiếc. Mỗi sản phẩm có dự toán thiết kế, dự toán thi công riêng và cũng có giá thành riêng do đó cũng có các cách tính giá thành khác nhau.

Phân loại theo nguồn số liệu và thời điểm để xác định giá thành

- Giá thành dự toán: Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây, lắp công trình. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức, các quy định của nhà nước và khung giá quy định theo từng vùng lãnh thổ. Để hiểu và xác định được giá thành dự toán cần biết giá trị dự toán trước và sau thuế.

Giá trị dự toán trước thuế là mức giá để tính thuế GTGT bao gồm: Chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước. Các chi phí trên được xác định theo mức tiêu hao về vật tư, lao động, sử dụng máy và mặt bằng giá khu vực từng thời kỳ do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chi phí trực tiếp + Chi phí chung = Giá thành dự toán

Giá thành dự toán + Thu nhập chịu thuế tính trước = Giá trị dự toán trước thuế

Giá trị dự toán trước thuế + Thuế GTGT = Giá trị dự toán sau thuế

- Giá thành kế hoạch: Được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở một doanh nghiệp xây lắp nhất định, trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức và đơn giá dùng trong doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch được xác định:

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán + Mức hạ giá thành ± Khoản bù chênh lệch vượt dự toán

Mức hạ giá thành là số tiết kiệm được do thực hiện các biện pháp cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh tế là tiết kiệm chi phí tạo điều kiện hạ giá thành sản phẩm.

Khoản bù chênh lệch dự toán là các khoản bù phần chi phí chưa được tính đến trong dự toán.

- Giá thành thực tế: Phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu.

Giá thành thực tế không chỉ bao gồm chi phí định mức mà còn bao gồm những chi phí thực tế phát sinh như: các khoản thiệt hại trong sản xuất, bồi chi về chi tiêu...do những nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp.

Giữa ba loại giá thành nói trên thường có quan hệ với nhau về lượng như sau:
(dựa trên cùng một đối tượng tính giá thành)

Giá thành dự toán > Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế

Theo phạm vi phát sinh chi phí

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất. Đối với các đơn vị xây lắp thì giá thành sản xuất gồm chi phí NVL trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí MTC, chi phí SXC.
- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành tiêu thụ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & = & \text{Giá thành sản xuất} & + & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{của sản phẩm} & & \text{của sản phẩm} & & \text{bán hàng} & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Cách phân loại này có tác dụng giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm. Tuy nhiên, do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại sản phẩm nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

1.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất ở doanh nghiệp xây lắp được xác định căn cứ vào các yếu tố như:

- Căn cứ vào tính chất tổ chức sản xuất, loại hình sản xuất và đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm tổ chức sản phẩm:
 - + Loại hình sản xuất đơn chiếc: Đối tượng tập hợp chi phí có thể là công trình, HMCT.
 - + Loại hình sản xuất hàng loạt: Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng đơn đặt hàng.
- Căn cứ vào yêu cầu tính giá thành, yêu cầu và trình độ quản lý kinh tế, trình độ càng cao thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất càng cụ thể và chi tiết.

- Căn cứ vào yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chi phí và yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ của doanh nghiệp.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp có thể được xác định là sản phẩm, loại sản phẩm, chi tiết sản phẩm cùng loại, từng đội sản xuất, từng đơn đặt hàng, từng công trình hay hạng mục công trình...

Thực chất việc xác định đối tượng hạch toán chi phí là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí làm cơ sở cho việc hạch toán chi phí và tính giá thành phục vụ yêu cầu phân tích và kiểm tra.

1.2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giới hạn của mỗi đối tượng kế toán chi phí. Trong doanh nghiệp xây lắp có những phương pháp phổ biến như sau:

- Phương pháp tập hợp theo công trình hay hạng mục công trình (theo nhóm sản phẩm): Hàng tháng chi phí phát sinh cho HMCT hay nhóm HMCT nào thì tập hợp cho nhóm công trình đó. Các khoản chi phí được phân chia theo khoản mục giá thành. Giá thành thực tế của đối tượng đó chính là tổng số chi phí được tập hợp cho từng đối tượng kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành.
- Phương pháp tập hợp theo đơn đặt hàng (theo sản phẩm): Chi phí sản xuất phát sinh sẽ được tập hợp và phân loại theo từng đơn đặt hàng riêng biệt. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.
- Phương pháp tập hợp theo đơn vị thi công (theo nhóm, khu vực thi công): Chi phí phát sinh được tập hợp theo từng đơn vị thi công. Trong từng đơn vị chi phí lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu phí như công trình, HMCT,... Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp thực hiện khoán.
- Phương pháp tập hợp trực tiếp: Phương pháp này áp dụng đối với những chi phí liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Phương pháp này đòi hỏi ngay từ khâu hạch toán ban đầu, các chứng từ gốc phải ghi chép riêng rẽ chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Căn cứ vào các chứng từ gốc đó, kế toán quy nạp trực tiếp các chi phí cho từng đối tượng. Trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán thường sử dụng phương pháp này để tập hợp chi phí NVL trực tiếp, chi phí NCTT.
- Phương pháp phân bổ chi phí gián tiếp chi phí sản xuất: Phương pháp này áp dụng đối với những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi

phí sản xuất, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng. Tiến hành tập hợp chi phí sản xuất và phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí liên quan theo trình tự :

- + Lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý và tính hệ số phân bổ chi phí: Tiêu thức phân bổ chi phí là tiêu thức đảm bảo được mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tổng hợp chi phí cần phân bổ với tiêu thức phân bổ của các đối tượng.

Hệ số phân bổ được xác định như sau:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó:

H: Hệ số phân bổ chi phí

C: Tổng chi phí cần phân bổ

T: Tổng đại lượng của tiêu thức phân bổ của các đối tượng

- + Tính mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng

$$C_i = H * T_i$$

Trong đó:

C_i : Chi phí phân bổ cho từng đối tượng

T_i : Đại lượng của tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng

Tiêu thức phân bổ thường được sử dụng là: Chi phí sản xuất, chi phí kế hoạch, chi phí định mức, chi phí nguyên vật liệu chính,...

1.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Trong doanh nghiệp xây lắp, theo chế độ hiện hành, việc hạch toán chi phí NVL nói riêng và hàng tồn kho nói chung được thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVL trực tiếp bao gồm toàn bộ giá thực tế vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây, lắp công trình hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp.

Chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành xây lắp. Do vậy, việc hạch toán chính xác chi phí vật liệu có ý nghĩa quan trọng để xác định đúng, chính xác, hợp lý giá thành công tác xây lắp.

Khi giá trị vật liệu xuất kho theo phiếu xuất vật liệu thể hiện trên bảng phân bổ sử dụng không hết, cuối kỳ hoặc khi công trình hoàn thành phải kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết đó để tính số liệu vật liệu thực tế sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu nhập kho; phiếu xuất kho; hóa đơn GTGT; biên bản kiểm nghiệm vật tư; phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ; biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ; bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, CCDC;...

Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, tài khoản này không có số dư và được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất (công trình, HMCT,...).

Kết cấu của tài khoản:

TK 621	
- Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất trong kỳ.	- Kết chuyển trị giá nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho sản xuất. - Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vượt trên mức bình thường.

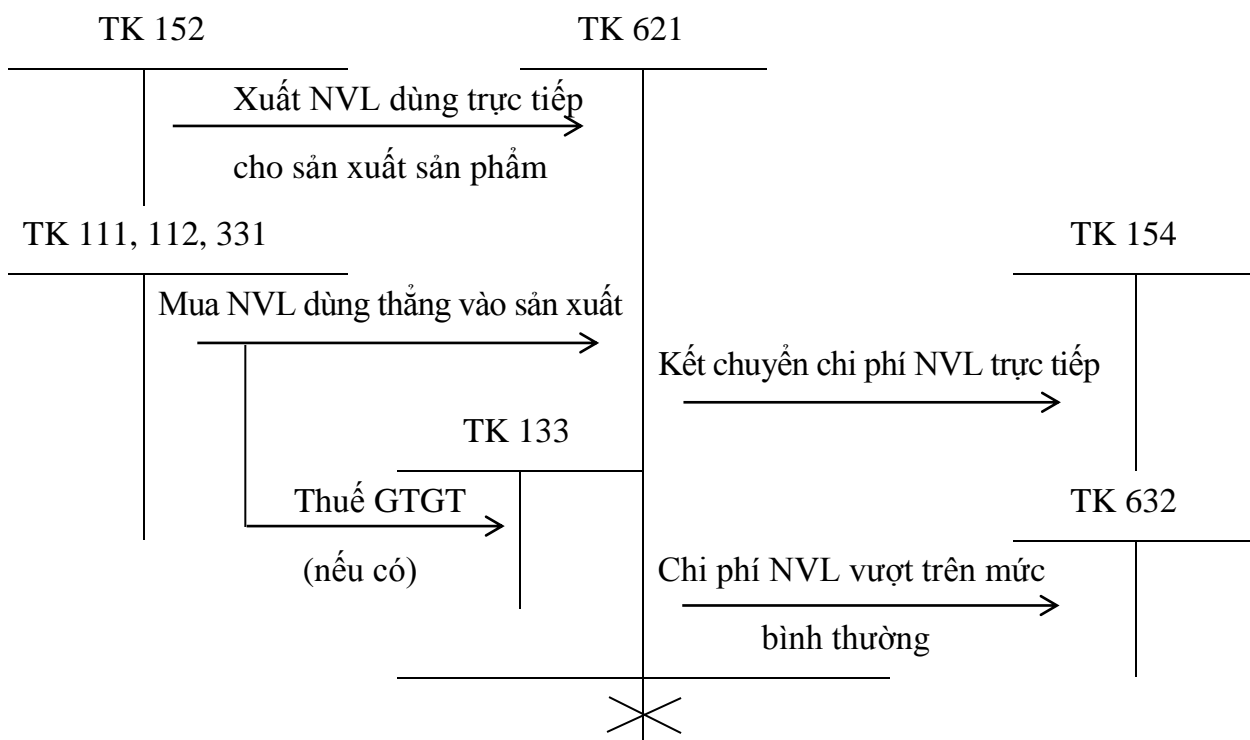
Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì tính trực tiếp vào công trình đó, trường hợp không tính riêng được thì phải tiến hành phân bổ cho từng công trình, HMCT,...theo các tiêu thức thích hợp.

- Đối với chi phí nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài dùng cho sản xuất sản phẩm, tiêu thức phân bổ là: Chi phí nguyên vật liệu chính theo định mức, chi phí nguyên vật liệu chính theo kế hoạch, hoặc khối lượng sản phẩm sản xuất,...
- Đối với chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu,... dùng cho sản xuất sản phẩm, tiêu thức phân bổ là: Chi phí định mức, chi phí kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu chính, khối lượng sản phẩm sản xuất,...

$$\text{Chi phí nguyên vật liệu phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} * \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

Quy trình hạch toán được khái quát qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.1. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương chính và tiền lương phụ,...của công nhân trực tiếp tham gia thi công xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, thực hiện lao vụ, dịch vụ, kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay ngoài danh sách. (Không bao gồm tiền ăn ca (nếu có) và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp).

Chứng từ sử dụng: Hợp đồng giao khoán; bảng chấm công; bảng thanh toán tiền lương; bảng thanh toán lương thêm giờ; bảng kê trích nộp theo lương; bảng phân bổ tiền lương,...

Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng (công trình, HMCT).

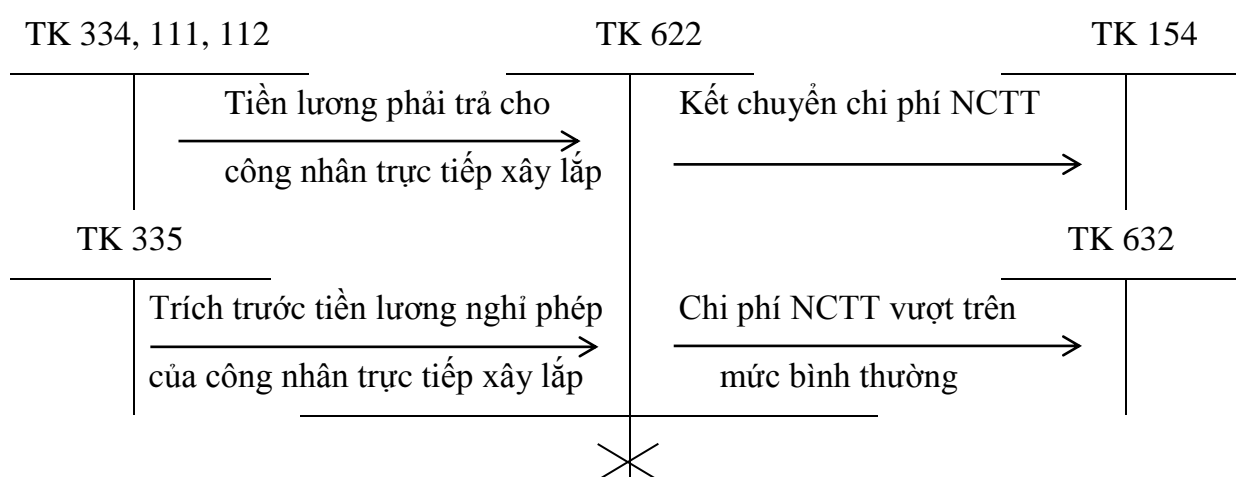
Kết cấu của tài khoản

TK 622	
- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp trong kỳ.	- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp. - Kết chuyển chi phí nhân công vượt trên mức bình thường

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí. Nếu chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành thì kế toán sẽ tập hợp chung sau đó phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp như tiền lương định mức, thời gian định mức, thời gian thực tế,....

Quy trình hạch toán được khái quát bằng sơ đồ:

Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.2.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công trong sản phẩm xây dựng cơ bản nói chung thường chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp. Máy thi công là những loại máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thi công xây lắp như: máy đào móng, máy xúc, máy trộn bê tông, máy gạt, cầu trục,... Chi phí sử dụng MTC phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thường bao gồm toàn bộ các chi phí về vật tư, lao động, chi phí khấu hao, chi phí bằng tiền trực tiếp cho sử dụng máy.

Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công công nhân cầm máy, hóa đơn, phiếu xuất kho nguyên vật liệu sử dụng cho MTC, hợp đồng thuê máy,...

Tài khoản sử dụng: Toàn bộ chi phí sử dụng MTC được tập hợp trên TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản này chỉ sử dụng để tập hợp chi phí sử dụng xe, máy thi công đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình

theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng TK 623, các chi phí xây lắp tập hợp vào TK 621, 622, 627. Các khoản trích như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính theo lương phải trả cho công nhân sử dụng xe, MTC không tập hợp vào TK 623.

Kết cấu tài khoản:

TK 623	
- Các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công phát sinh trong kỳ.	- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công để tính giá thành. - Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường.

Tài khoản được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

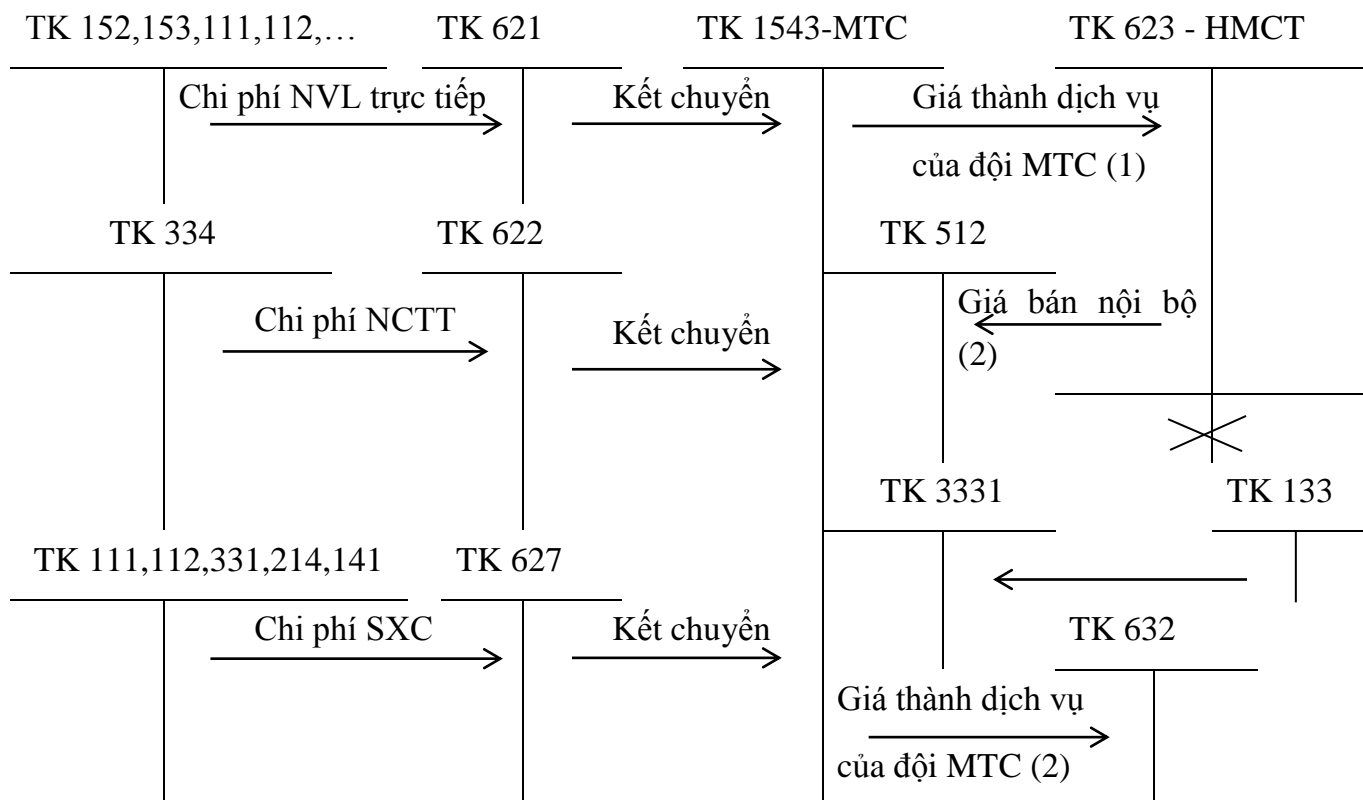
- TK 6231: Chi phí nhân công
- TK 6232: Chi phí vật liệu
- TK 6233: Chi phí công cụ sản xuất
- TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công
- TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6238: Chi phí bằng tiền khác

Xuất phát từ đặc điểm và tình hình sử dụng MTC trong từng đơn vị thi công xây lắp mà đơn vị lựa chọn hình thức sử dụng máy khác nhau cũng như phương pháp tập hợp chi phí khác nhau. Đối với doanh nghiệp tự tổ chức thi công bằng máy (doanh nghiệp có MTC) có thể tổ chức thành tổ, đội thi công chuyên trách. Đối với đơn vị đi thuê máy không cần thuê công nhân lái, phục vụ máy thì đơn vị phải tự hạch toán chi phí sử dụng máy. Với đơn vị đi thuê theo khối lượng công việc, bên thuê máy phải trả bên cho thuê theo đơn giá quy định với lượng công việc đã hoàn thành. Chi phí sử dụng máy được phân bổ căn cứ vào giá thành giờ/ca máy, khối lượng công việc hoàn thành của ca máy.

Quy trình hạch toán được khái quát bằng sơ đồ:

Trường hợp 1: Công ty có tổ chức riêng đội máy thi công và tổ chức hạch toán riêng

Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công (công ty có tổ chức riêng đội máy thi công và tổ chức hạch toán riêng)

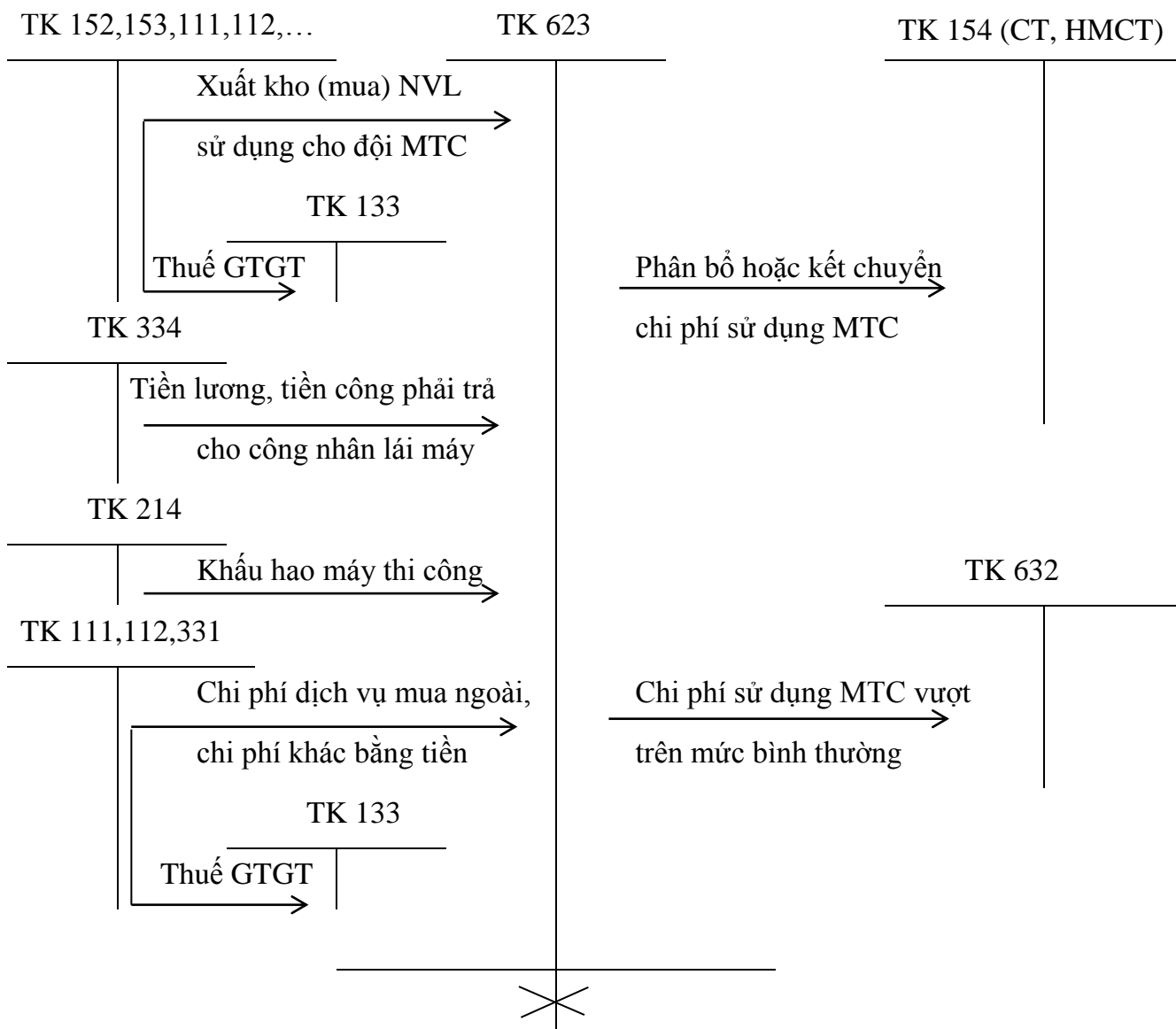


(1) Nếu các bộ phận trong công ty không tính kết quả riêng mà thực hiện phương thức cung cấp dịch vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận.

(2) Nếu các bộ phận trong công ty xác định kết quả riêng (công ty thực hiện bán dịch vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận trong nội bộ).

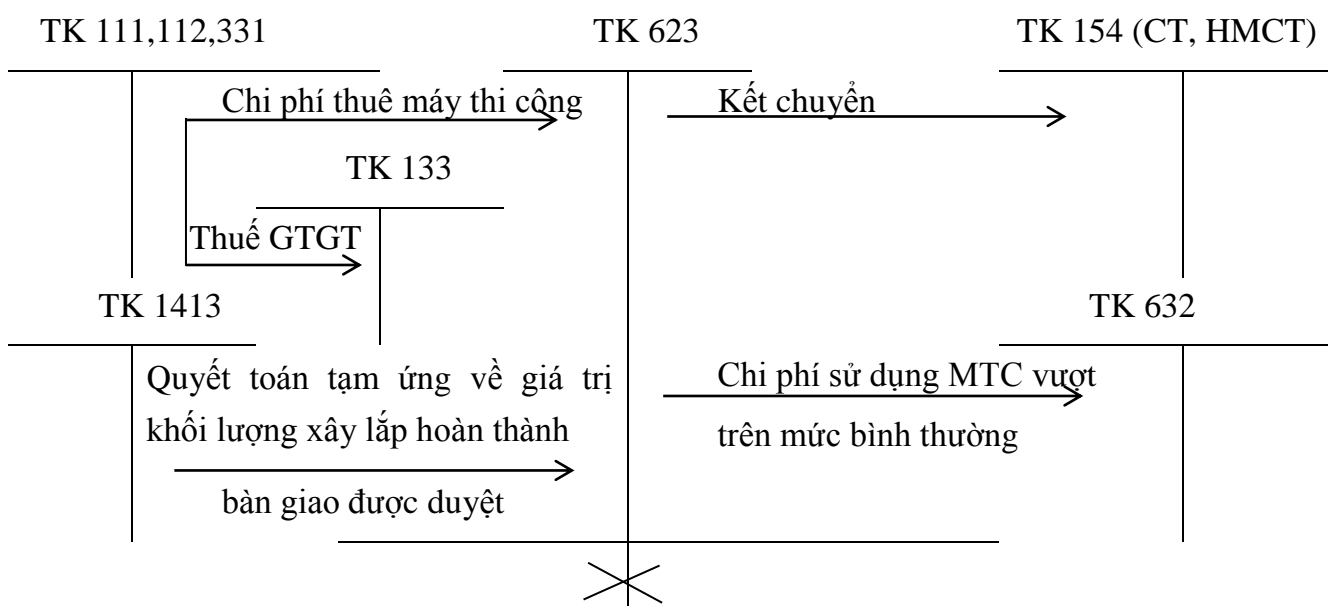
Trường hợp 2: Công ty không tổ chức đội máy thi công riêng và không tổ chức hạch toán riêng

Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công (công ty không tổ chức đội máy thi công riêng và không tổ chức hạch toán riêng)



Trường hợp 3: Công ty thuê ngoài máy thi công

Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công khi công ty thuê ngoài



1.2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phản ánh chi phí đơn vị phải chi ra để phục vụ chung cho việc tổ chức thi công, phục vụ sản xuất, phục vụ quản lý và những chi phí khác không thể thiếu trong quá trình thi công của phân xưởng, đội, công trường xây dựng.

Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công nhân viên quản lý đội thi công, bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương, phiếu xuất kho NVL, CCDC, hóa đơn GTGT, phiếu chi,...

Tài khoản sử dụng: Để tập hợp và theo dõi chi phí sản xuất chung, sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”, tài khoản này được theo dõi theo mã của từng công trình, HMCT.

Kết cấu TK 627:

TK 627	
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản giảm chi phí sản xuất chung.

Tài khoản có 6 tài khoản cấp 2:

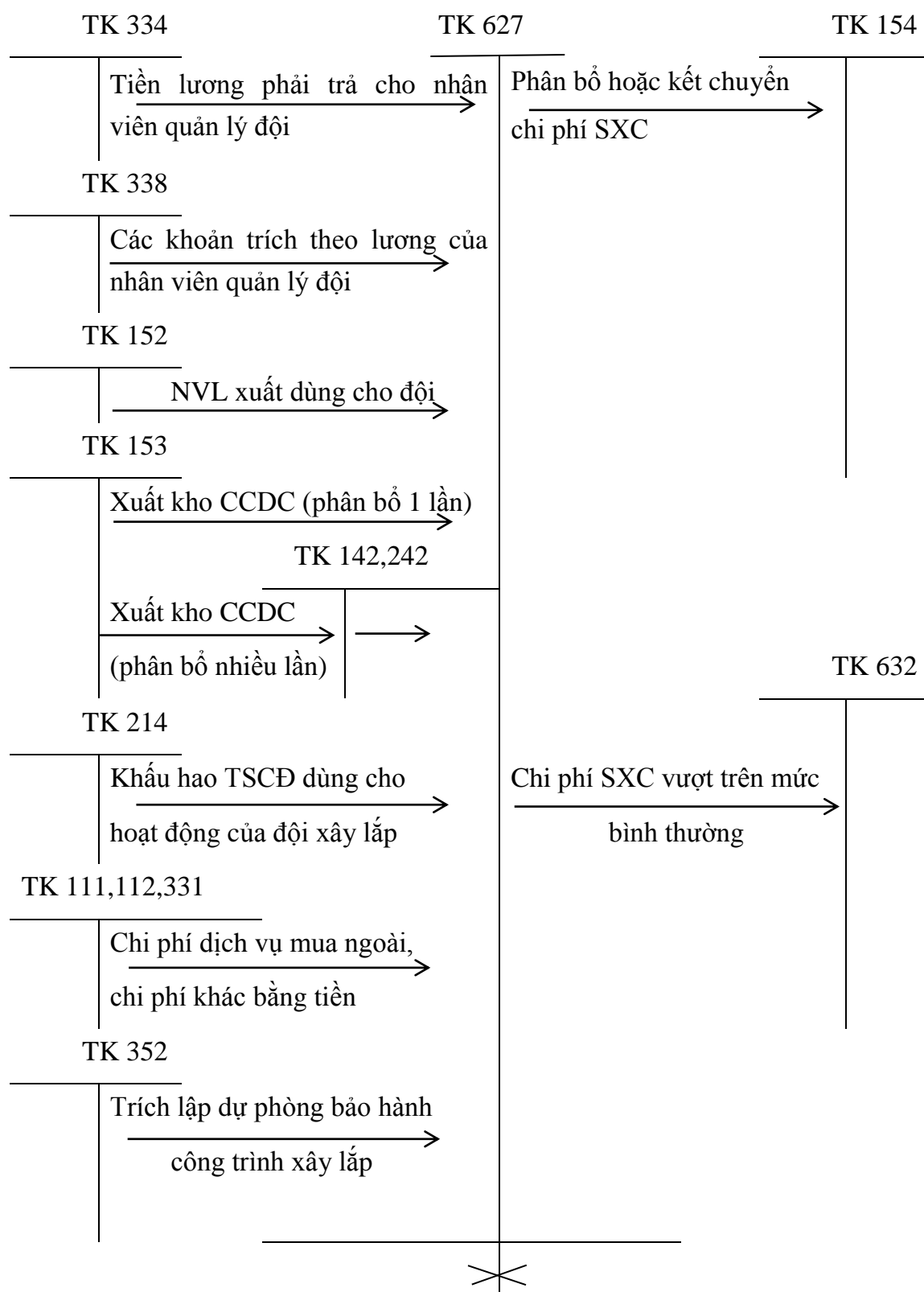
- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý đội xây dựng
- TK 6272: Chi phí vật liệu

- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí sản xuất chung cũng giống như các chi phí trên, được tập hợp theo công trình, phát sinh ở công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \\ \text{phân bổ cho từng} \\ \text{công trình,} \\ \text{HMCT} \end{array} = \frac{\text{Chi phí SXC phải phân bổ}}{\text{Chi phí NCTT của các công} \\ \text{trình, HMCT}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí NCTT của} \\ \text{từng công trình,} \\ \text{HMCT} \end{array}$$

Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung



1.2.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ

1.2.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Toàn bộ phần tổng hợp chi phí sản xuất được thực hiện trên TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cuối kỳ kết chuyển các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC, chi phí SXC để tổng hợp chi phí xây lắp các công trình, HMCT.

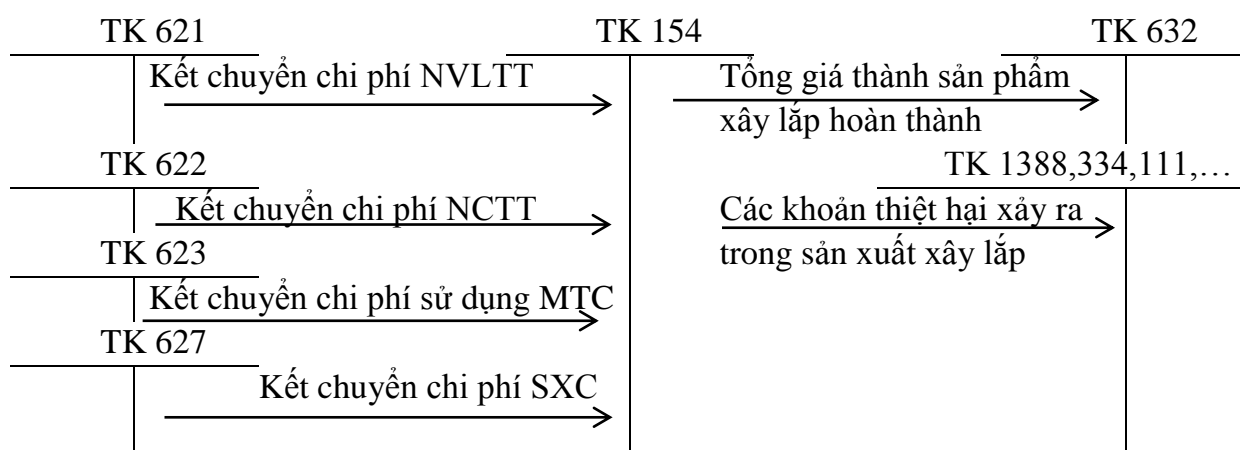
Kết cấu TK 154:

TK 154	
SDĐK:	
- Kết chuyển chi phí NVLTT	- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất
- Kết chuyển chi phí NCTT.	
- Kết chuyển chi phí sử dụng MTC	- Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao
- Kết chuyển chi phí SXC	
SDCK: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ hoặc khối lượng xây lắp đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu	

Tài khoản được chi tiết theo khoản mục, gồm có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 1541: Xây lắp.
- TK 1542: Sản phẩm khác.
- TK 1543: Dịch vụ.
- TK 1544: Chi phí bảo hành xây lắp.

Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp



1.2.3.2. Đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí xây lắp được tập hợp theo từng khoản mục chi phí, các chi phí này là chi phí thực tế đã chi ra trong kỳ không phân biệt sản phẩm đã hoàn thành hay còn dở dang cuối kỳ. Để xác định được phần chi phí của sản phẩm xây lắp hoàn thành thì phải xác định được chi phí của sản phẩm dở dang. Việc xác định này tùy thuộc vào đặc điểm của sản phẩm xây lắp, phương thức thanh toán khối lượng xây lắp, vào đối tượng tính giá thành đã xác định.

- Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí sản xuất xây lắp từ khi khởi công đến thời điểm kiểm kê đánh giá.
- Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp hoàn thành là theo giai đoạn thì sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định.

Muốn đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ một cách chính xác cần phải kiểm kê khối lượng sản phẩm, công tác xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời xác định chính xác khối lượng sản phẩm hoàn thành so với khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành theo quy ước của từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng công tác xây lắp dở dang. Chất lượng công tác kiểm kê khối lượng công tác xây lắp dở dang có ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của việc đánh giá sản phẩm làm dở và giá thành sản phẩm.

Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ được tiến hành theo nhiều phương pháp:

- Đánh giá theo chi phí dự toán:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp DDCK} \\ = \left[\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở DDĐK} \\ \text{Chi phí khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp thực hiện đầu kỳ} \\ \text{Chi phí khối lượng xây lắp DDCK theo dự toán} \end{array} \right] \times \text{Chi phí của khối lượng xây lắp DDCK theo dự toán} \end{array}$$

- Đánh giá theo mức độ hoàn thành của sản phẩm xây lắp:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực} \\
 \text{tế khối lượng} \\
 \text{xây lắp} \\
 \text{DDCK}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp DDCK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế khối} \\
 \text{lượng xây lắp thực} \\
 \text{hiện trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{bàn giao trong} \\
 \text{kỳ theo dự toán}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí dự toán của} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{DDCK tính theo} \\
 \text{sản lượng hoàn} \\
 \text{thành tương đương}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí theo} \\
 \text{dự toán khối} \\
 \text{lượng lắp đặt} \\
 \text{DDCK đã} \\
 \text{tính theo sản} \\
 \text{lượng hoàn} \\
 \text{thành tương} \\
 \text{đương}
 \end{array}$$

- Đánh giá theo giá trị dự toán:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{thực tế} \\
 \text{khối} \\
 \text{lượng xây} \\
 \text{lắp} \\
 \text{DDCK}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{DDCK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế khối} \\
 \text{lượng xây lắp thực} \\
 \text{hiện đầu kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự toán} \\
 \text{khối lượng xây lắp} \\
 \text{hoàn thành bàn} \\
 \text{giao trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự toán khối} \\
 \text{lượng xây lắp DDCK}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị dự} \\
 \text{toán khối} \\
 \text{lượng xây} \\
 \text{lắp DDCK}
 \end{array}$$

1.2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.4.1. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và cần được tính giá thành và giá thành đơn vị.

Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán lập các bảng tính giá thành chi tiết và tổ chức tính giá thành theo từng đối tượng cụ thể đó là công trình, HMCT, giai đoạn xây dựng, sản phẩm,...hoàn thành bàn giao hoặc chấp nhận thanh toán.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm đã hoàn thành theo khoản mục giá thành. Trong doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng phương pháp tính giá thành giản đơn do đặc điểm của sản xuất sản phẩm xây lắp là sản xuất thi công mang tính đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành. Theo phương pháp này, toàn bộ các chi phí từ khi bắt đầu khởi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao hạng mục, công trình chính là giá thành thực tế.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ trên các biên bản

xác nhận khối lượng sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành tính giá thành thực tế cho công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế công} \\ \text{trình hoàn} \\ \text{thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{thực tế phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết các chi phí sản xuất để lập bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp cho các công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

1.2.4.2. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Việc xác định được kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm hợp lý, khoa học, đảm bảo cung cấp số liệu về giá thành thực tế của sản phẩm, lao vụ được kịp thời, chính xác.

Để xác định kỳ tính giá thành thích hợp, kế toán phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất của sản phẩm. Do đó, kỳ tính giá thành được xác định như sau:

- Đối với các sản phẩm theo đơn đặt hàng, có thời gian thi công dài, công việc được coi là hoàn thành khi kết thúc mọi công việc trong đơn đặt hàng, hoàn thành toàn bộ đơn đặt hàng mới tính giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.
- Đối với những công trình, HMCT thì kỳ tính giá thành là thời gian mà sản phẩm xây lắp được coi là hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao, thanh toán cho chủ đầu tư.
- Đối với công trình, HMCT lớn hơn, thời gian thi công dài thì khi nào có một bộ phận hoàn thành, có giá trị sử dụng được nghiệm thu, bàn giao thanh toán thì mới tính giá thành thực tế bộ phận đó.

Ngoài ra, với các công trình lớn, thời gian thi công dài và có kết cấu phức tạp thì kỳ tính giá thành có thể được xác định là quý.

1.2.4.3. Thẻ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Cuối kỳ, các công trình, HMCT hoàn thành, căn cứ vào sổ chi tiết các chi phí sản xuất của hạng mục công trình, kế toán lập được bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Biểu 1.1. Thẻ tính giá thành sản phẩm

Đơn vị:

Mẫu số S37 - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

Tháng....năm.....

Tên công trình, hạng mục.....

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Theo khoản mục chi phí			
		NVLTT	NCTT	MTC	SXC
A	1	2	3	4	5
1. Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ					
2. Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ					
3. Giá thành sản phẩm hoàn thành					
4. Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ					

Ngày...tháng...năm.....

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

1.2.5. Đặc điểm kế toán theo phương thức giao khoán trong doanh nghiệp xây lắp

Trong thực tế ở các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng phương thức giao khoán cho các đội xây lắp. Tùy theo từng doanh nghiệp, các phương thức giao khoán thường áp dụng là khoán vật tư, nhân công hoặc khoán theo từng công trình, HMCT,... Khi giao khoán cho các đội thi công, kế toán doanh nghiệp vẫn phải thu thập chứng từ và hạch toán chi phí theo từng công trình để xác định giá thành. Tùy thuộc vào mức độ phân cấp kế toán giữa đơn vị giao khoán và đơn vị nhận khoán, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 141: Tạm ứng và có 3 tài khoản cấp 2:
 - + TK 1411: Tạm ứng lương và các khoản phụ cấp theo lương
 - + TK 1412: Tạm ứng mua vật tư, hàng hóa
 - + TK 1413: Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ
- TK 136: Phải thu nội bộ
- TK 336: Phải trả nội bộ

1.2.5.1. Khoán cho các tổ đội để thi công

Công ty ứng vốn cho đội: tiền, vật tư, máy móc thi công và theo dõi trên TK 1413 – chi tiết cho từng đội. Tại mỗi đội có một nhân viên kế toán công trình hạch

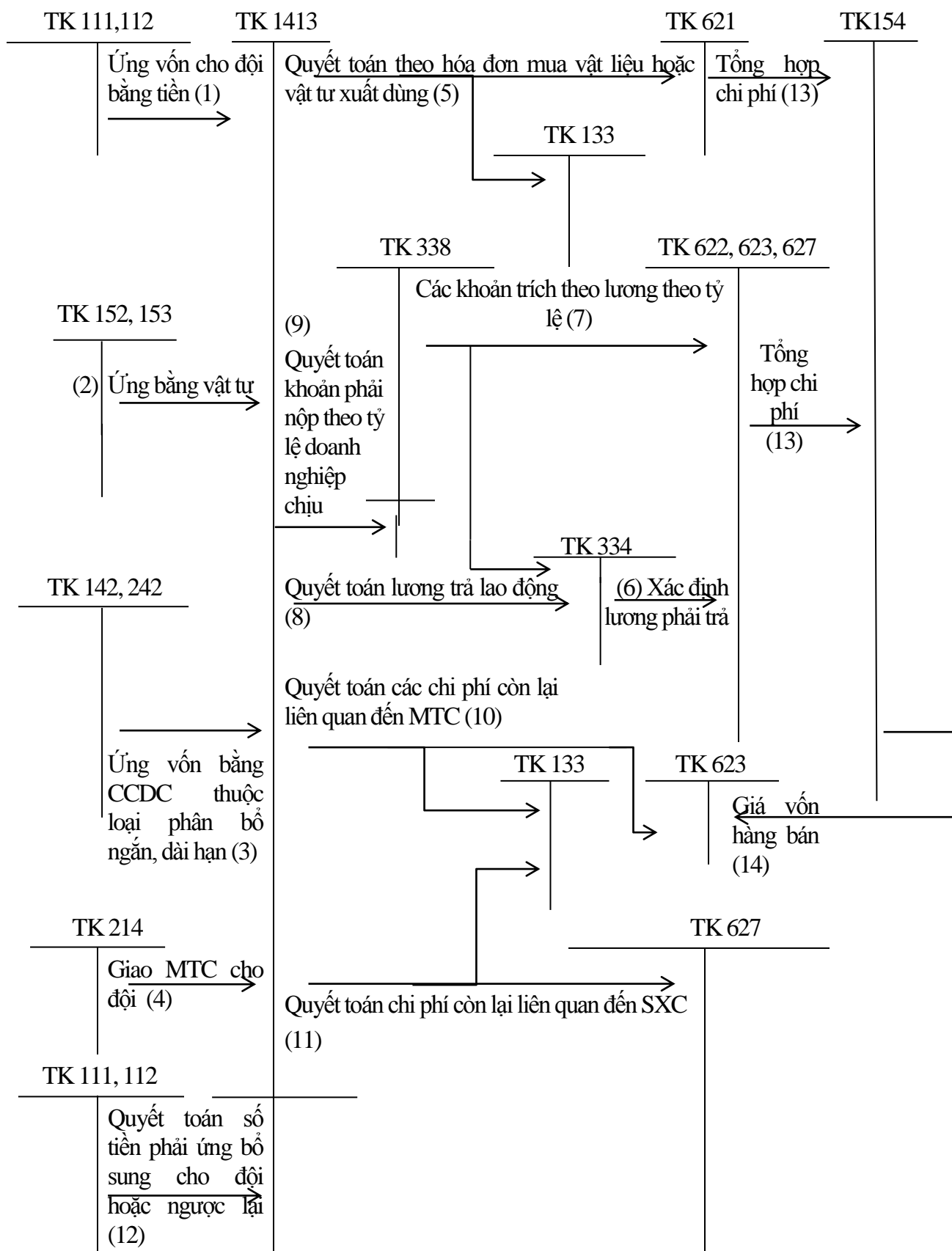
toán ban đầu, định kỳ gửi chứng từ về kế toán công ty xử lý. Khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành quyết toán giữa số tiền đã ứng với giá trị công trình hoàn thành.

Kết cấu TK 141(3):

TK 141(3)

Các khoản tiền, vật tư đã tạm ứng cho người lao động của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản tạm ứng đã được thanh toán- Số tiền tạm ứng dùng không hết nhập lại quỹ hoặc tính trừ vào lương- Các khoản vật tư sử dụng không hết nhập lại kho.
Số tiền tạm ứng chưa thanh toán	

Sơ đồ 1.8. Kế toán giao khoán cho các tổ đội thi công



1.2.5.2. Kế toán tại đơn vị giao khoán và đơn vị nhận khoán

Tại đơn vị giao khoán

Đơn vị giao khoán là công ty xây dựng, sử dụng TK 136 để phản ánh nghiệp vụ ứng vốn và nhận công trình.

Kết cấu TK 136:

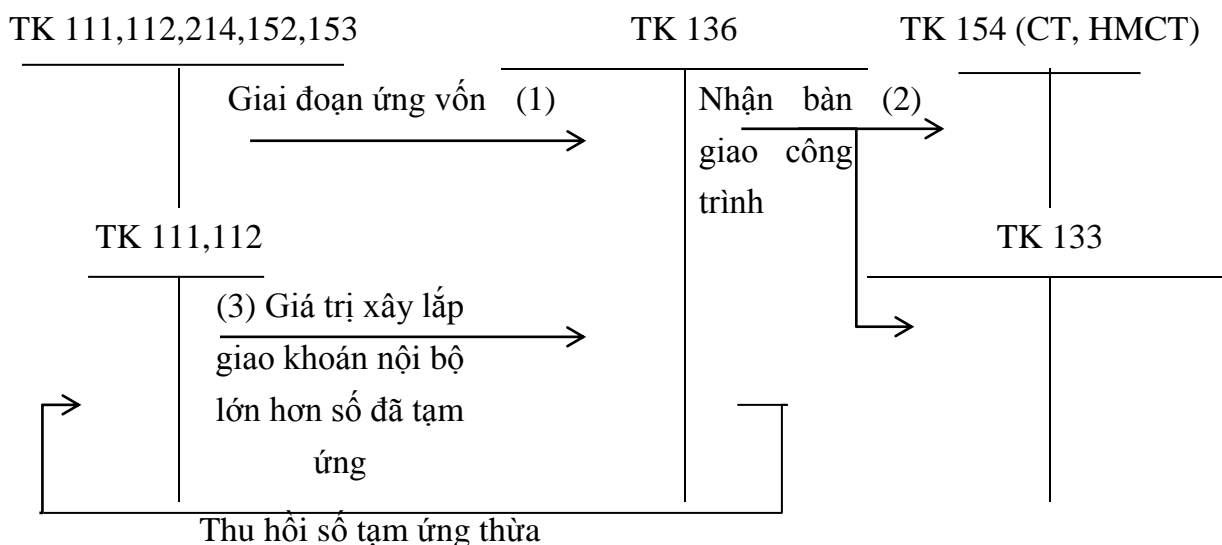
TK 136

<ul style="list-style-type: none">- Số vốn kinh doanh đã giao cho đơn vị cấp dưới (bao gồm vốn cấp trực tiếp và cấp bằng các phương thức khác);- Các khoản đã chi hộ, trả hộ đơn vị cấp trên, cấp dưới;- Số tiền đơn vị cấp trên phải thu về, các khoản đơn vị cấp dưới phải nộp;- Số tiền đơn vị cấp dưới phải thu về, các khoản cấp trên phải giao xuống;- Số tiền phải thu về bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho đơn vị cấp trên, cấp dưới, giữa các đơn vị nội bộ	<ul style="list-style-type: none">- Thu hồi vốn, quỹ ở đơn vị thành viên;- Quyết toán với đơn vị thành viên về kinh phí sự nghiệp đã cấp, đã sử dụng;- Số tiền đã thu về các khoản phải thu trong nội bộ;- Bù trừ phải thu với phải trả trong nội bộ của cùng một đối tượng.
Số nợ còn phải thu ở các đơn vị nội bộ.	

Tài khoản có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 1361: Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc - Tài khoản này chỉ mở ở đơn vị cấp trên (Tổng công ty, công ty) để phản ánh số vốn kinh doanh hiện có ở các đơn vị trực thuộc do đơn vị cấp trên cấp giao trực tiếp hoặc hình thành bằng các phương thức khác. Tài khoản này không phản ánh số vốn đầu tư mà công ty mẹ đầu tư vào các công ty con.
- TK 1368: Phải thu nội bộ khác - Phản ánh tất cả các khoản phải thu khác giữa các đơn vị nội bộ.

Sơ đồ 1.9. Kế toán tại đơn vị giao khoán



(2): Nhận bàn giao công trình từ đơn vị nhận khoán:

TH1: Chứng từ có thể là hóa đơn GTGT do đơn vị nhận khoán phát hành – đơn vị này có xác định kết quả riêng

TH2: Chứng từ có thể là toàn bộ chứng từ trong quá trình thi công công trình – đơn vị này không xác định kết quả riêng.

Tại đơn vị nhận khoán

Đơn vị nhận khoán là các công ty, xí nghiệp, chi nhánh (có tổ chức bộ máy kế toán riêng). Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến công trình được hạch toán tại đơn vị nhận khoán, khi nào công trình hoàn thành thì bàn giao cho công ty xây dựng (bên giao khoán). Tại đơn vị nhận khoán sử dụng TK 336.

Kết cấu TK 336:

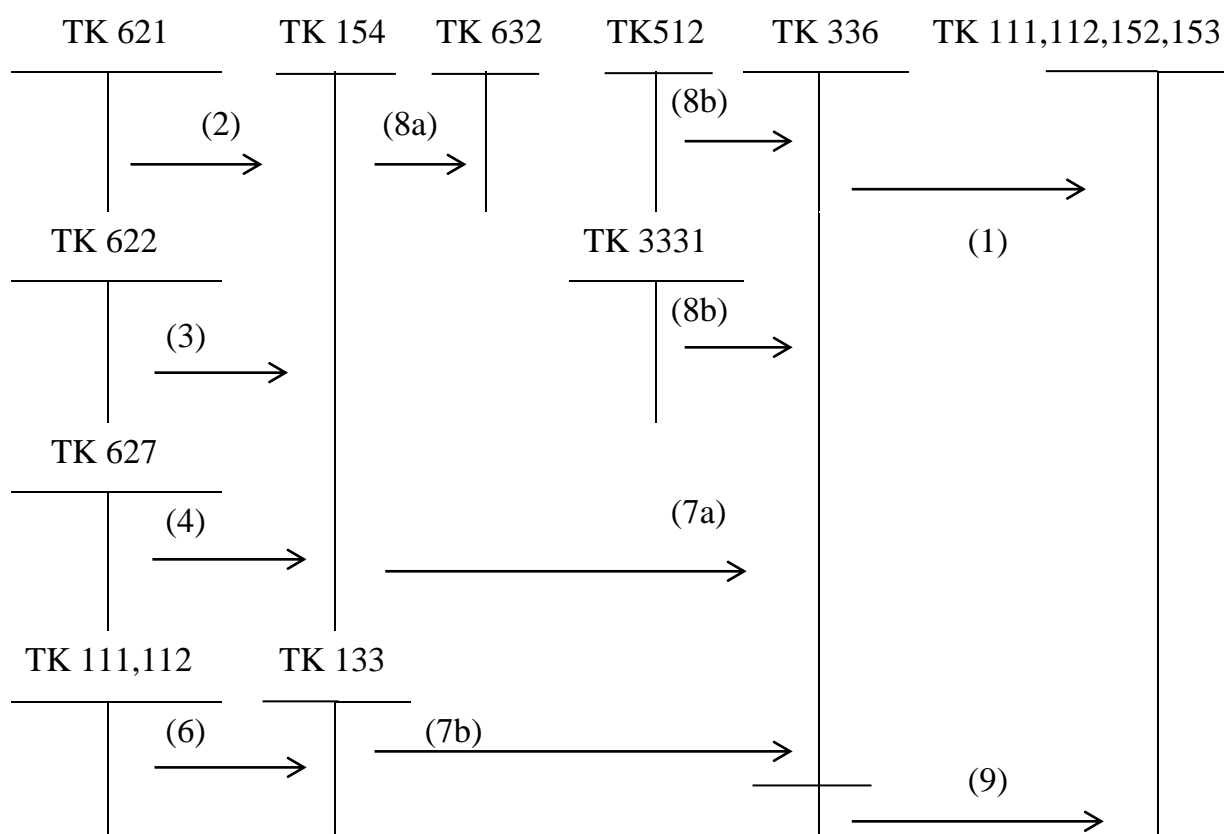
TK 336

<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho đơn vị trực thuộc, phụ thuộc; - Số tiền đã nộp cho Tổng công ty, Công ty; - Số tiền đã trả về các khoản mà các đơn vị nội bộ chi hộ, hoặc thu hộ đơn vị nội bộ; - Bù trừ các khoản phải thu với các khoản phải trả của cùng một đơn vị có quan hệ thanh toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải nộp cho Tổng công ty, Công ty; - Số tiền phải trả cho đơn vị trực thuộc, phụ thuộc; - Số tiền phải trả cho các đơn vị khác trong nội bộ về các khoản đã được đơn vị khác chi hộ và các khoản thu hộ đơn vị khác.
	Số tiền còn phải trả, phải nộp, phải cấp cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp.

Tài khoản có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 3361: Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh.
- TK 3362: Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá.
- TK 3363: Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hoá.
- TK 3368: Phải trả nội bộ khác.

Sơ đồ 1.10. Kế toán tại đơn vị nhận khoán



(1): Nhận ứng vốn từ đơn vị cấp trên

(2), (3), (4), (5): Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến công trình, kế toán tại đơn vị nhận khoán xử lý trên các TK 621, 622, 623, 627. Cuối kỳ tổng hợp trên TK 154.

(6): Phần thuế GTGT của hóa đơn đầu vào liên quan đến công trình nhận khoán.

(7a), (7b): TH1: Đơn vị nhận khoán không xác định kết quả riêng, bàn giao toàn bộ cho bên giao khoán.

(8a), (8b): TH2: Đơn vị nhận khoán lập kết quả riêng thì sẽ kết chuyển giá vốn và phát hành hóa đơn ghi doanh thu.

(9): Quyết toán.

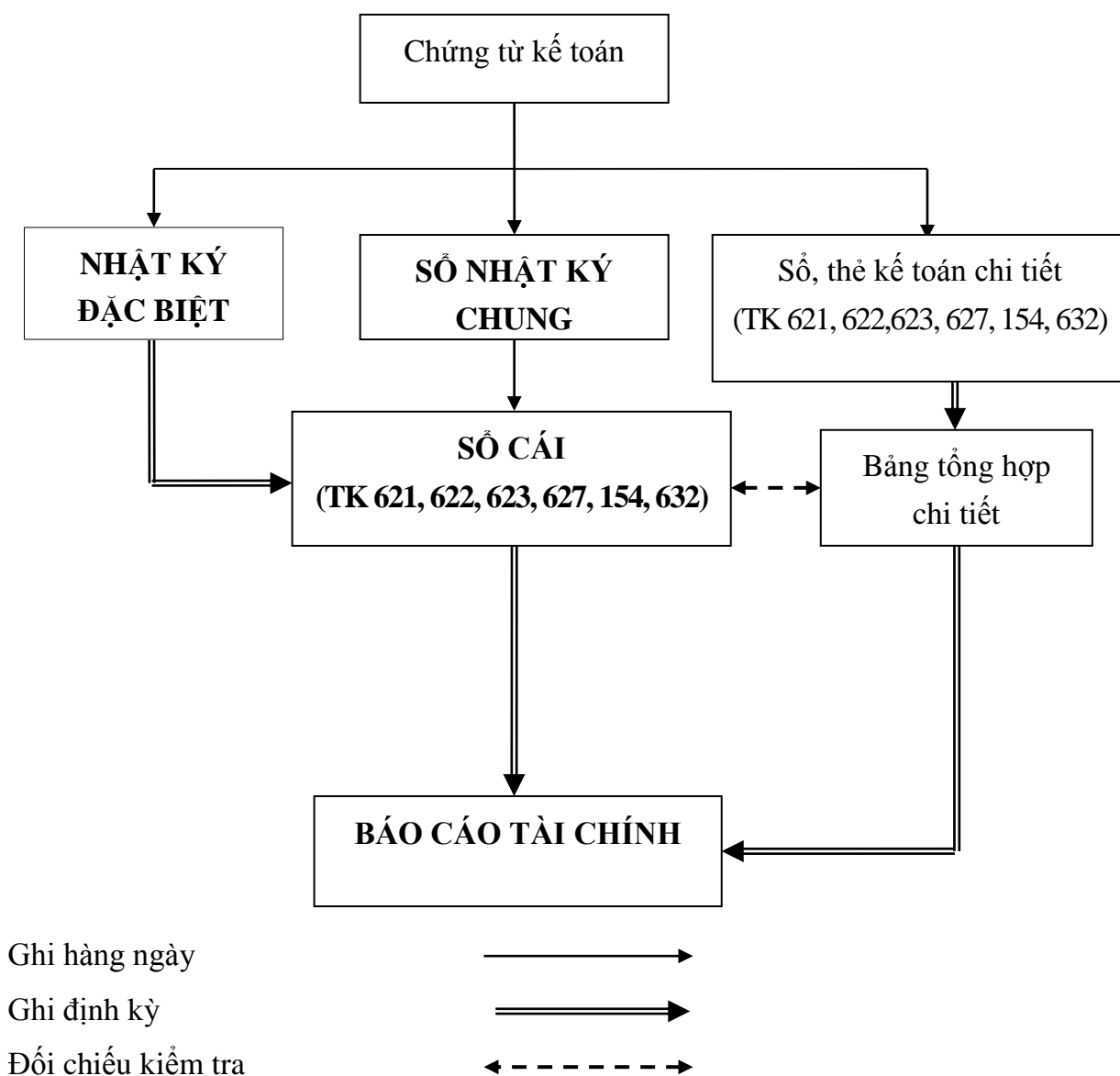
1.3. Hệ thống sổ kế toán sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Theo chế độ kế toán hiện hành, công ty được phép áp dụng một trong những hình thức ghi sổ kế toán sau:

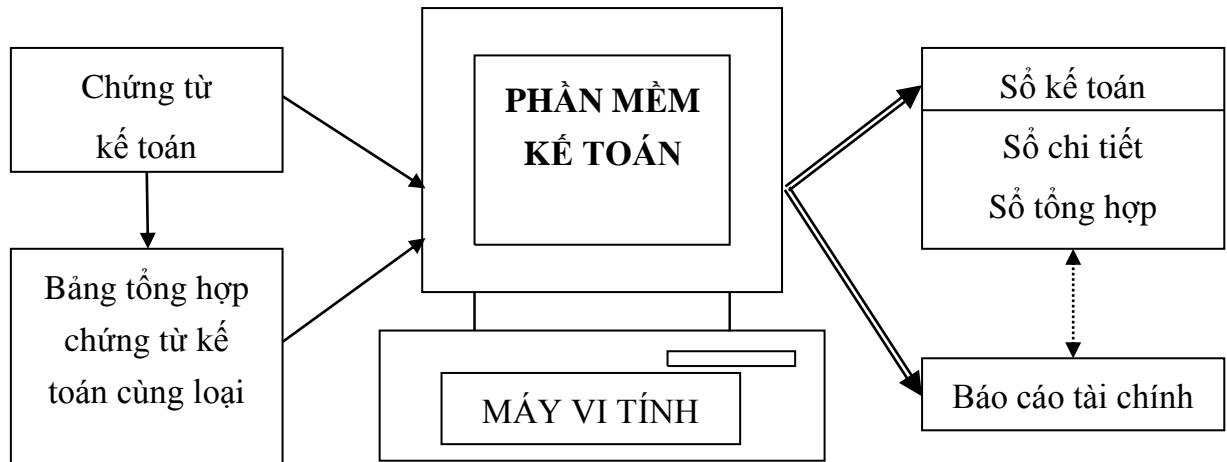
- Hình thức sổ Nhật ký chung
- Hình thức sổ Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức sổ Chứng từ ghi sổ
- Hình thức sổ Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức sổ trên máy vi tính

Doanh nghiệp có thể kết hợp cả 2 hình thức sổ nhật ký chung và trên máy tính.

Sơ đồ 1.11. Quy trình ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.12. Quy trình tổ chức sổ theo hình thức kế toán trên máy tính



- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----► Đối chiếu, kiểm tra

Theo sơ đồ, thông qua phần mềm kế toán, trình tự hạch toán có thể được khái quát như sau: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để kiểm tra nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sau đó mã hóa và nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán trên máy vi tính. Sau khi nhập chính xác các thông tin trên chứng từ, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu trên vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái và các Sổ chi tiết có liên quan. Các sổ này được lưu giữ trong máy tính và sẽ được in ra khi cần thiết.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Một số thông tin cơ bản về Công ty

- Mã số thuế: 0100705187
- Ngày cấp: 29-12-1998
- Tên chính thức: Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tây Hà Nội
- Tên giao dịch: HADECO.,JSC
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: WEST HA NOI DEVELOPMENT JOINT – STOCK COMPANY



- Logo Công ty:
- Nơi đăng ký quản lý: 10100 Cục Thuế Thành phố Hà Nội
- Trụ sở chính: Ngõ Máy kéo, khu Liên Cơ, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, TP.Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 22186301
- Fax: (04) 27649572
- Số tài khoản: 1401206002599 tại ngân hàng NN và PTNT – chi nhánh Bách Khoa, TP.Hà Nội.
- QĐTL/Ngày cấp: 2779QĐ-UB/10-05-2005 C.Q ra quyết định: UBND TP HN
- GPKD/Ngày cấp: 0100705187 / 20-06-2005 Cơ quan cấp: Thành phố HN
- Chủ tịch hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Văn Tiến
- Ngày bắt đầu hoạt động: 16-11-1992
- Vốn điều lệ: Năm 2008 vốn điều lệ của Công ty sau khi thay đổi đăng kí kinh doanh là 25.100.000.000 đồng. (Bằng chữ: Hai mươi năm tỷ một trăm triệu đồng chẵn).

– Hình thức hạch toán: Độc lập

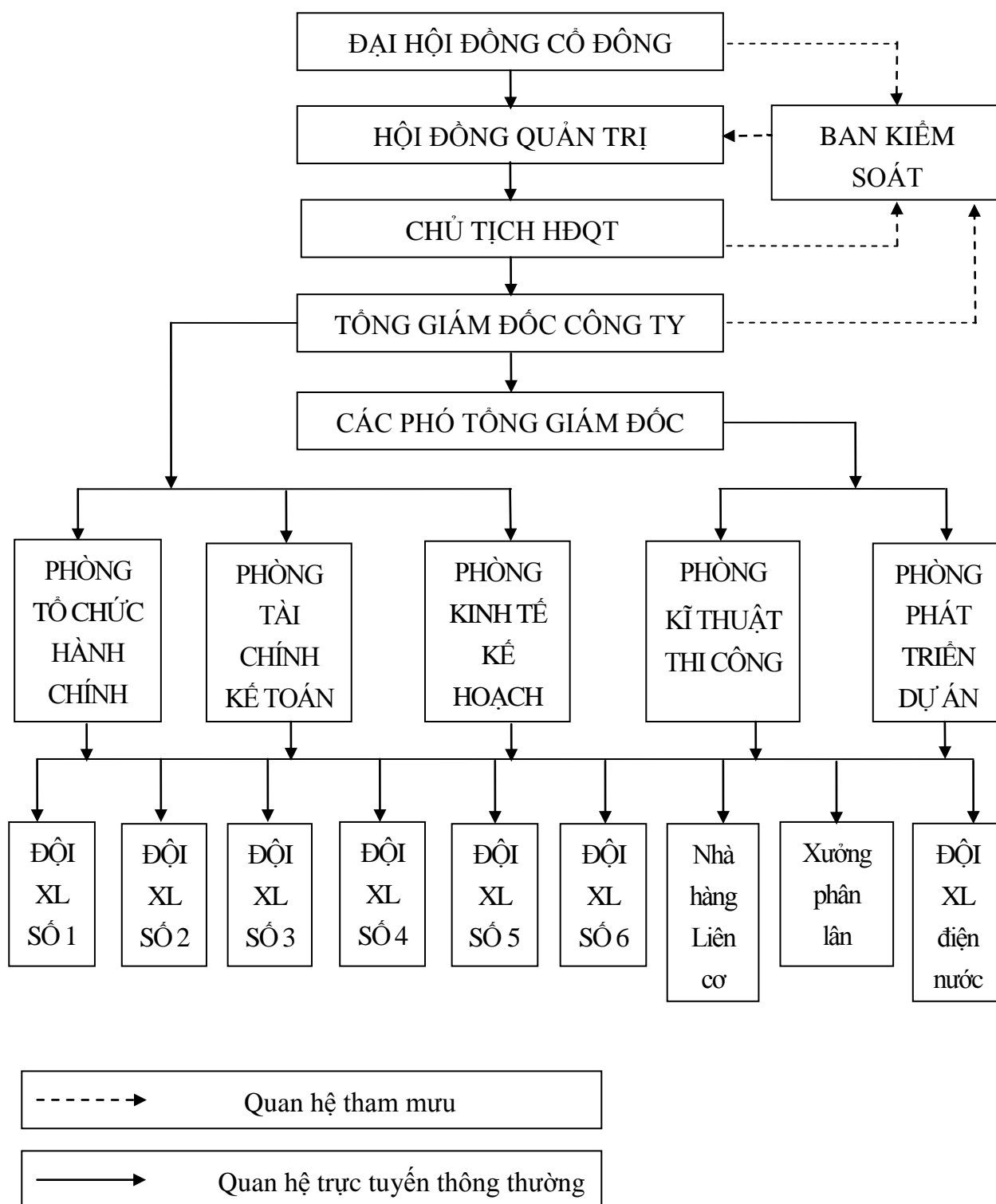
Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Nông nghiệp Từ Liêm được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2779/QĐ-UB ngày 10 tháng 5 năm 2005 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103008263 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 6 năm 2005, thay đổi đăng ký lần thứ 1 ngày 19 tháng 8 năm 2005, thay đổi lần thứ 2 ngày 24/1/2008, thay đổi lần 3 ngày 14/4/2008.

Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội đã có bề dày truyền thống trên 40 năm, được thành lập từ năm 1973. Trong thời kì kinh tế kế hoạch với tên gọi là Công ty vật tư Nông nghiệp Từ Liêm. Từ năm 1988 để đáp ứng sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tốc độ đô thị hóa ở Từ Liêm và các khu vực lân cận, Công ty đã quyết định chuyển dịch cơ cấu, chức năng hoạt động của Công ty từ dịch vụ nông nghiệp là chính sang xây dựng (hạ tầng, dân dụng, công nghiệp), kinh doanh bất động sản....

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Thành phố là cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã tích cực tiến hành các bước của công tác cổ phần hóa và đã thực hiện thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp. Hiện nay, Nhà nước không tham gia chiếm giữ cổ phần, 100% cổ phần là của cán bộ công nhân viên Công ty cũ và các cổ đông chiến lược.

2.1.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức và nhiệm vụ từng phòng ban

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Đại Hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ.
- Ban Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.
- Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho giám đốc trong việc tổ chức và quản lý cán bộ công nhân viên, lao động tiền lương và các chế độ chính sách trong công ty. Ngoài ra còn sắp xếp lịch làm việc, chuẩn bị các cuộc họp...
- Phòng kỹ thuật thi công: Có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về mặt kỹ thuật, theo dõi, giám sát việc thực thi theo đúng tiêu chuẩn về chất lượng, kỹ thuật, bóc tách khối lượng công việc, lập dự án thi công, bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình hoàn thành. Ngoài ra còn tìm tòi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong công ty.
- Phòng tài chính kế toán: Tổ chức các hoạt động về tài chính kế toán theo quy định của Nhà Nước. Thu thập số liệu, phản ánh vào sổ sách kế toán và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định của giám đốc công ty, tiến hành các thủ tục thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, giải quyết vấn đề tiền lương cho các bộ phận.
- Phòng kinh tế kế hoạch: Giúp ban Giám đốc trong việc lập kế hoạch chiến lược dài hạn cho các dự án đầu tư trình lãnh đạo công ty duyệt, quản lý các thủ tục quy định và trình tự các dự án, thống kê tổng hợp các hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án đầu tư.

- Phòng phát triển dự án: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc tổng giám đốc công ty trong các lĩnh vực tìm kiếm, phát triển, triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong toàn công ty.

2.1.3. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư phát triển nhà và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất phân bón và dịch vụ nông nghiệp;
- Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình bưu điện, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- San lấp mặt bằng, thi công nền móng công trình;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hệ thống công trình cấp thoát nước, cấp nước sạch;
- Lập các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở;
- Quản lý khai thác khu công nghiệp, khu đô thị mới, điểm đỗ xe;
- Kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới, khu nhà cao tầng, hạ tầng đô thị;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng kinh doanh khu sinh thái;
- Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế tổng mặt bằng nội ngoại thất công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cơ – điện, xử lý chất thải, cấp thoát nước, thông gió.

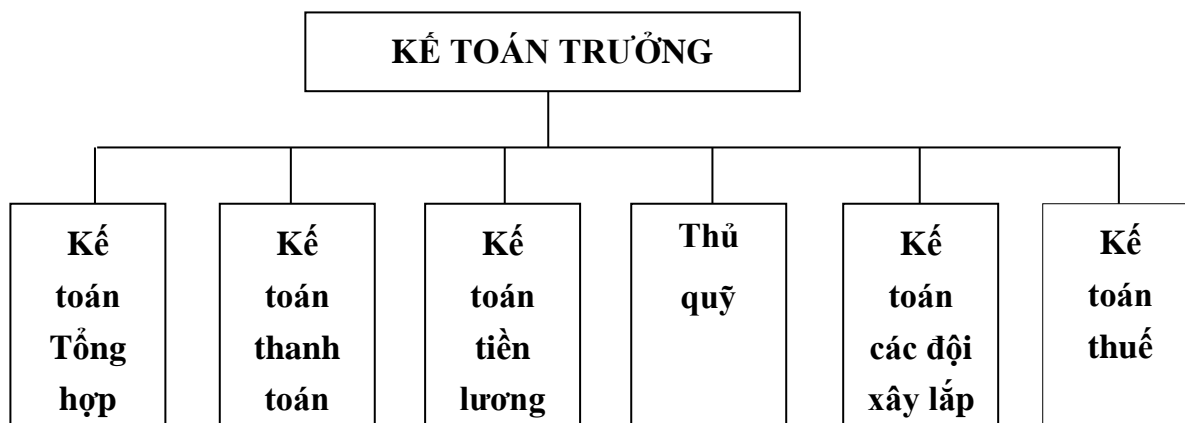
Ngoài ra Công ty còn có các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty.

2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:

Phòng tài chính kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung và được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty



(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Kế toán trưởng: Là người phụ trách, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê của Công ty. Thực hiện chức năng quyền hạn của mình là giám sát, kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán cũng như các thông tin về kinh tế, kế toán tài chính của công ty.

Theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình biến động của công ty cũng như thị trường nhằm tham mưu cho ban giám đốc để có những quyết định hợp lý trong công tác điều hành, quản lý và xây dựng công ty ngày càng vững mạnh hơn.

- Kế toán Tổng hợp: Tiến hành ghi chép kế toán các nghiệp vụ chưa phân công nhiệm vụ cho các bộ phận kế toán khác như các nghiệp vụ về hoạt động tài chính, hoạt động khác, nguồn vốn chủ sở hữu, giá thành....

Tiến hành các nghiệp vụ nội sinh mà các bộ phận kế toán chưa làm để có thể khóa sổ kế toán cuối kỳ. Thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán ở các bộ phận kế toán đã ghi chép của công ty cũng như các bộ phận kế toán của các đội xây lắp. Tiến hành việc kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ kế toán. Lập báo cáo tài chính và báo cáo Kế toán quản trị. Và thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Kế toán trưởng.

- Kế toán thanh toán: Hướng dẫn khách hàng cũng như các nhân viên của đơn vị các thủ tục cần thiết khi thanh toán. Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ và đầy đủ các hóa đơn, chứng từ trước khi làm thủ tục thanh toán. Ghi chép kế toán

thanh toán tiền lương, tạm ứng và các khoản thanh toán công nợ : Nợ khách hàng, nợ vay, nợ khác....

Tham gia xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý kế hoạch tài chính của đơn vị, giúp lãnh đạo quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn kinh doanh. Ghi chép tổng hợp, chi tiết kế toán vốn bằng tiền, các loại tiền gửi Ngân hàng. Định kỳ hoặc đột xuất cùng với những người có liên quan tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt.

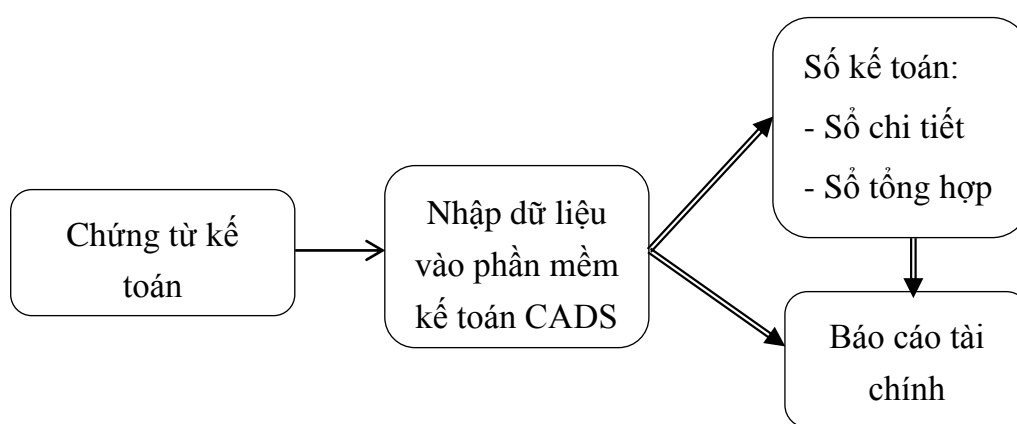
- Kế toán tiền lương: Theo dõi, tính công, lương, phụ cấp...cho toàn thể cán bộ, công nhân viên trong công ty. Đồng thời tính và trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng quy định.
- Thủ quỹ: Hằng ngày tổ chức ghi chép, theo dõi tình hình thu-chi-tồn tiền tại quỹ. Cuối ngày phải kiểm kê lượng tiền thu-chi và lượng tiền tồn tại quỹ, kết quả này phải có xác nhận.
- Kế toán các đội xây lắp: Hạch toán kế toán ban đầu, thu nhận và kiểm tra chứng từ ban đầu để định kỳ chuyển chứng từ về Phòng kế toán, thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Kế toán trưởng.
- Kế toán thuế: Chịu trách nhiệm theo dõi, ghi chép, kê khai hạch toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền cũng như lãnh đạo công ty từ đó xác định được số thuế phải nộp cho Nhà Nước, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ của công ty với Nhà Nước.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng theo quyết định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm: theo quy định của kế toán thuế.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng. Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp đánh giá hàng tồn kho và hạch toán hàng tồn kho:

- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá đích danh
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Hình thức kế toán: Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội hiện tại đang sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm CADS và hình thức ghi sổ là Nhật ký chung. Đặc trưng của hình thức này chính là công việc kế toán sẽ được thực hiện thông qua một chương trình phần mềm kế toán sử dụng trên máy vi tính. Quy trình hạch toán được thực hiện như sau:

Sơ đồ 2.3. Trình tự hạch toán sổ theo hình thức kế toán trên máy tính



(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ghi chú: —→ Nhập số liệu hằng ngày

==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

2.1.4.3. Hệ thống phần mềm kế toán tại công ty

Phần mềm kế toán CADS do Công ty cổ phần Ứng dụng và Phát triển Phần mềm Tin học phát triển và triển khai ứng dụng.

CADS được tổ chức theo các phân hệ nghiệp vụ bao gồm có các phân hệ sau:

- Phân hệ quản lý vốn bằng tiền
- Phân hệ quản lý mua hàng - phải trả
- Phân hệ quản lý bán hàng – phải thu
- Phân hệ quản lý phải thu – phải trả khác
- Phân hệ quản lý hàng tồn kho
- Phân hệ quản lý tài sản
- Phân hệ quản lý vật tư tồn kho
- Phân hệ quản lý chi phí giá thành

- Phân hệ quản lý kế toán tổng hợp
- Phân hệ quản lý hệ thống

Tuy nhiên, tùy từng vị trí kế toán viên mà sẽ được kế toán trưởng cho phép truy cập vào các phân hệ khác nhau bằng hệ thống tài khoản cá nhân. Duy nhất kế toán trưởng được phép quản lý hệ thống cả 10 phân hệ kế toán nêu trên.

Hình 2.1. Giao diện phần mềm kế toán CADS tại công ty



(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Do những đặc điểm đặc thù của ngành xây lắp như sản phẩm mang tính chất đơn chiếc, quy mô lớn, các công trình có thiết kế và dự toán riêng gắn với một địa điểm nhất định... Vì vậy để đáp ứng tốt công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các công trình, hạng mục công trình, đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là các công trình, HMCT, đơn đặt hàng đã hoàn thành.

Để minh họa cho đề tài “Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội”, khóa luận sử dụng số liệu của công trình “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” (viết tắt “CT Cổ Nhuế”), mã công trình 00050, bắt đầu khởi công vào 02/2014 và bàn giao vào 04/2014 do Đội xây lắp số 3 phụ trách. Vì vậy, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là công trình “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” và đối tượng tính giá thành là công trình “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” đã hoàn thành, bàn giao.

Phường Cổ Nhuế có quyết định và trở thành Quận Bắc Từ Liêm vào tháng 04/2014, do đó công trình phải hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 04/2014; nhưng đến cuối kỳ kế toán mới tổng hợp chứng từ để tính ra giá thành sản phẩm.

2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty

Với ngành xây lắp chi phí sản xuất bao gồm: chi phí NVL trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí SXC, chi phí MTC. Nhưng do CT Cổ Nhuế là hạng mục công trình nhỏ nên không sử dụng máy thi công và không có chi phí MTC trong tập hợp chi phí sản xuất.

2.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho việc thi công công trình của công ty bao gồm những chi phí nguyên vật liệu chính như: xi măng, sắt, thép, cát,... vật kết cấu nên phần thô của công trình; cho đến những chi phí nguyên vật liệu phụ như nhiên liệu (son, dầu, mỡ,...), phụ tùng thay thế tham gia trực tiếp vào thi công công trình.

Công ty sử dụng phương pháp trực tiếp để tập hợp chi phí NVL trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu phát sinh tháng nào sẽ được tập hợp ngay cho tháng đó. Nguyên vật liệu mua về có hóa đơn của người bán đồng thời kiểm tra chất lượng, số lượng và biên bản bàn giao nguyên vật liệu sau khi được kiểm nhận. Tại mỗi công trình sẽ có một kho vật tư riêng, nguyên vật liệu mua về sẽ được nhập kho hoặc sử dụng ngay.

Để phản ánh các chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm xây lắp thì kế toán sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi tiết cho công trình Cổ Nhuế là TK 621.00050. Tại công trình, khi có nhu cầu về nguyên vật liệu, dựa theo bản kế hoạch xây dựng, đội trưởng sẽ viết giấy xin tạm ứng gửi cho phòng kế toán. Sau đó kế toán trưởng xét duyệt và chuyển lên cho giám đốc thông qua. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng, kế toán xuất phiếu chi cho đội. Kế toán đội sẽ đi đặt hàng trực tiếp với nhà cung cấp.

Ví dụ: Ngày 31/03/2014, đội có nhu cầu về nguyên vật liệu trực tiếp, đội trưởng Nguyễn Văn Tứ đến phòng kế toán xin tạm ứng (Biểu 2.1), kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.2) đồng thời thủ quỹ xuất tiền mặt cho ông Tứ. Kế toán ghi:

Nợ TK 141.011

Có TK 1111.1

Biểu 2.1. Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
TÂY HÀ NỘI

Mẫu số: 03-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bộ phận: Đội XL số 3

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Ông Tổng Giám Đốc

Tên tôi là: Nguyễn Văn Tứ

Địa chỉ: Đội XL số 3

Đề nghị tạm ứng số tiền: 20.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng tiền mua nguyên vật liệu - CT Cổ Nhuế

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.2. Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Ngõ Máy Kéo, Khu Liên Cơ, Từ Liêm, HN

Mã số thuế: 0100705187

Telefax: 04.37673122

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ Tài Chính

Số: 11/10

Nợ: 141.011

Có: 1111.1

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Tứ

Địa chỉ: Đội xây lắp 3

Lý do chi: Tạm ứng CP công trình Cổ Nhuế

Số tiền: **20.000.000 đồng**

Viết bằng chữ: **Hai mươi triệu đồng đồng chẵn ./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Giám đốc
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Thủ quỹ
(đã ký)

Người nhận tiền
(đã ký)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ngày 01/04/2014, đội mua đá granit rubi màu đỏ của Công ty CP XD & SX đá mỹ nghệ Hải Anh với số lượng là 10m2 để phục vụ công trình Cỗ Nhuế theo hóa đơn số 0000152.

Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT mua nguyên vật liệu

CÔNG TY TNHH ĐÁ MỸ NGHỆ HẢI ANH

Đ/C: Xóm Chợ, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội

MST: 0104862575

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Kí hiệu: HA/11P

Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Số: **0000152**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

Địa chỉ: Ngõ Máy Kéo, khu Liên Cơ, thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, HN

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

Mã số thuế: 0100705187

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Đá granit rubi màu đỏ	M2	10	1.800.000	18.000.000
Cộng tiền hàng					18.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Trần Mai Việt Linh

Nguyễn Thị Oanh

Lương Văn Quynh

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.4. Biên bản giao nhận hàng
BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

(CT: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế)

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2014, đại diện chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ – TT Cầu Diễn – Từ Liêm – HN

Điện thoại: 04.37634610

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Tứ

Chức vụ: Đội trưởng đội XL số 3

Đại diện: Bà Trần Mai Việt Linh

Chức vụ: Kế toán đội XL số 3

Bên B (Bên bán): CÔNG TY CP XD & SX ĐÁ MỸ NGHỆ HẢI ANH

Địa chỉ: Tổ dân phố chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, HN

Điện thoại: 04.66598287

Đại diện: Ông Lương Văn Quynh

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Tiệp

Chức vụ: Cán bộ

Cùng nhau tiến hành đối chiếu và thống nhất số lượng vật tư vật liệu cung cấp cho công trình Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế cụ thể như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Đá granit rubi màu đỏ	M2	10	
	Tổng cộng		10m2 (Mười mét vuông)	

Chúng tôi thống nhất số liệu trên là đúng và cùng nhau ký vào biên bản.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

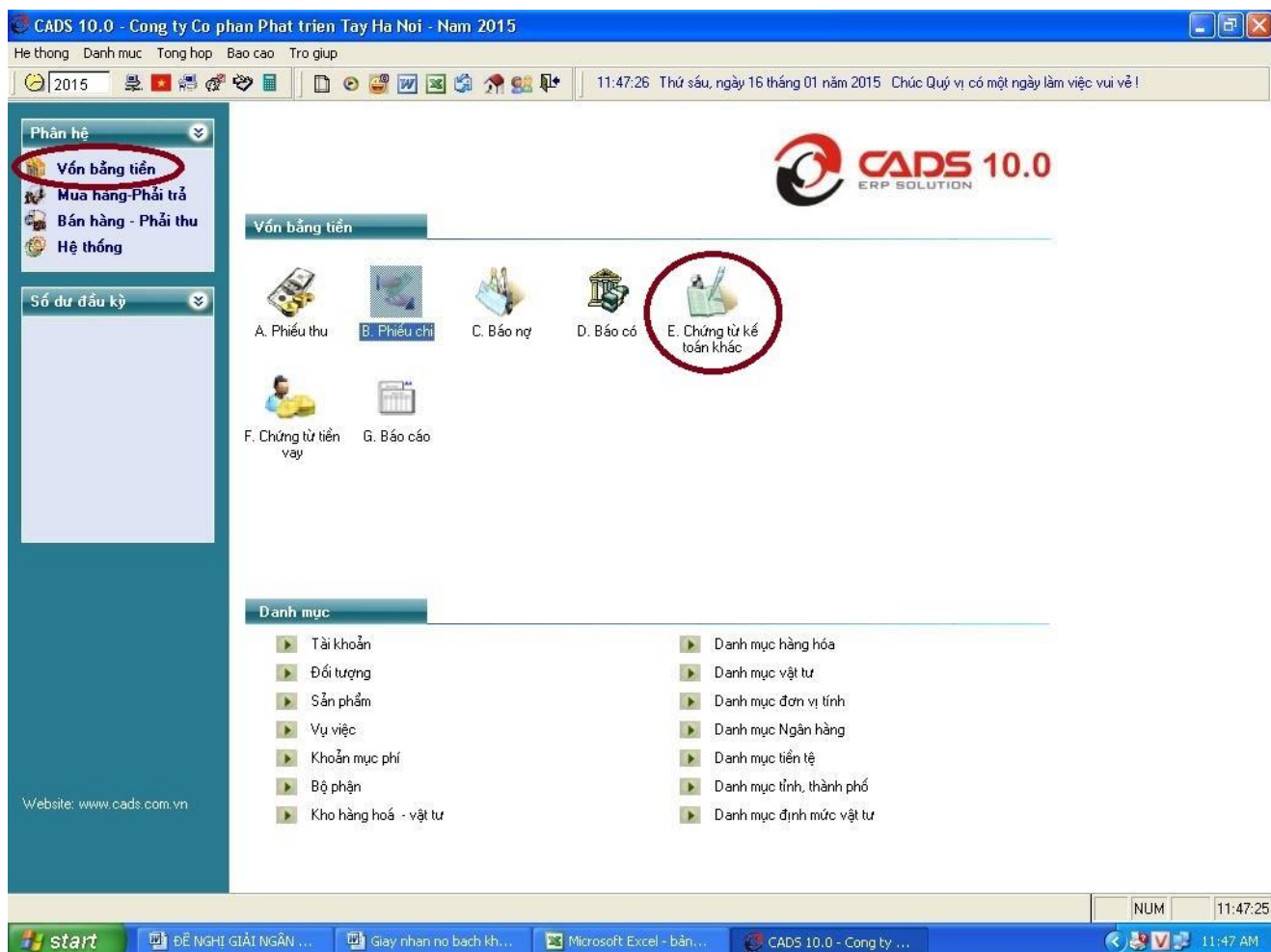
(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Cuối tháng, kế toán đội tổng hợp hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao hàng hóa và chuyển lên phòng kế toán trung tâm. Sau khi nhận chứng từ liên quan, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và căn cứ vào các chứng từ đó tiến hành cập nhật số liệu vào phần “Chứng từ kế toán khác” trong phân hệ “Vốn bằng tiền” để lưu số liệu NVL mua về. Tất cả NVL trực tiếp sau khi mua về dùng ngay, không nhập kho nhưng vẫn được hạch toán tăng nguyên vật liệu:

Nợ TK 152.02.00050

Có TK 141.011

Hình 2.2. Màn hình nhập liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Hình 2.3. Màn hình nhập kho NVL

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tổng Hợp Nội - Năm 2014

He thống | Danh mục | Tổng hợp | Báo cáo | Trợ giúp

2014 | 11:30:20 Thứ hai, ngày 20 tháng 04 năm 2015 | Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

Phân hệ

- Vốn bằng tiền
- Mua hàng - Phải trả
- Bán hàng - Phải thu
- Phải thu - trả khác

Vốn bằng tiền

F2 Loc, F3 Sửa, F4 Mối, F7 In, F9 Máy tính, Ctrl+F8 Xóa, F10 Lưu, Ctrl+A VAT, Ctrl+E Tạo bút toán CL ty gia Alt+Mũi tên xuống: Tra cứu ma KH

Mã chứng từ: T.PKKN - Phiếu kế toán khác

Số chứng từ: CN/4/01 | Ngày CT: 29/04/2014 | Hợp đồng: | Chưa ghi sổ cũ | Chứng từ chưa có hóa đơn hợp lệ

Mã ông bà: | Tên ông bà: | Mã ngoại tệ: VND | Tỷ giá: 0.00

Địa chỉ: NB Công ty - Đội XL số 3 | Copy sang chứng từ mới

Diễn giải: Mua đồ granite CT Cổ Nhuế | Hiện tên đối tượng

TK nợ	Tên tài khoản nợ	SP Nợ	TK có	Tên tài khoản có	SP Có	Mã ĐT	Tên ĐT	Tiền NT	Tiền VNĐ	giải ch
152.02	Nguyên liệu, vật liệu - Đội XL số	00050	141.011	Tạm ứng CP công trình	00050	NB00007	Đội xây lắp số 3		18 000 000	Mua đ
152.02	Nguyên liệu, vật liệu - Đội XL số	00050	141.011	Tạm ứng CP công trình	00050	NB00007	Đội xây lắp số 3		14 400 000	Mua đ

Khai báo chi tiết thuế VAT cho chứng từ

Ngày HĐ	Số Serial	Số HĐ	Tiền tr. thuế n/t	Tiền tr. thuế VNĐ	% VAT	Tiền VAT N/t	Tiền VAT VNĐ	TK nợ	SP Nợ	TK có	SP Có	Mã ĐT	ĐT
01/04/2014	HA/11P	0000152	0.00	18 000 000	10	1 800 000	1331.01	00050	141.011	00050	NB00007		
04/04/2014	HA/11P	0000153	0.00	14 400 000	10	1 440 000	1331.01	00050	141.011	00050	NB00007		

Kèm số chứng từ gốc: 02 | Tổng tiền trước thuế: 32 400 000

Giấy giới thiệu: | Tổng tiền thuế VAT: 3 240 000

Ngày giấy giới thiệu: / / | Tổng tiền thanh toán: 35 640 000

Mũi (F4) | Sửa (F3) | Lưu (F2) | In (F7) | Xóa (F8) | Báo cáo nhanh | Thoát (ESC) | Trước | Xem | Sau

Website: www.cads.com

start | CADS 10.0 - Công ty ... | QA.bmp - Paint | Gmail - Mozilla Firefox | NUM | 11:30:19

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Kế toán đội theo dõi và quản lý nguyên vật liệu bằng cách lập bảng tổng hợp chi tiết sử dụng nguyên vật liệu trên phần mềm Excel (Biểu 2.5 – tr 44), sau đó cuối năm sẽ nộp cùng các chứng từ khác để làm căn cứ ghi sổ. Cuối kỳ kế toán trưởng dựa vào số liệu tổng hợp của kế toán đội đưa và nhập vào sổ cái TK 621 tổng số lượng NVL đã dùng, chứ không hạch toán nhập kho và xuất kho đúng như nguyên tắc thông thường.

Nợ TK 621

Có TK 152.02.00050

Việc ghi nhận tổng chi phí nguyên vật liệu vào cuối năm của công ty sẽ làm giảm tính cập nhật của nghiệp vụ phát sinh; hơn nữa cách làm này cũng gây khó khăn cho việc kiểm tra số liệu, chứng từ của kế toán khi cần thiết.

Công ty không lập sổ chi tiết TK 621 cho từng công trình, HMCT mà chỉ dùng sổ cái nhưng lại đặt tên là Sổ chi tiết và chỉ nhập số liệu tổng hợp cuối kỳ, phân biệt công trình qua mã TK 152/154.02.00050 – chi tiết cho CT Cổ Nhuế.

Biểu 2.5. Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của kế toán đội

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công trình Cỗ Nhuế năm 2014

Số hiệu: 12/23-CN

Ký hiệu	Số hiệu	NT HĐ	Tên NCC	Mặt hàng	Thành tiền	VAT	Tiền thuế	Tổng cộng
...
HA/11P	0000152	01/04/14	Công ty CP XD & SX Đá mỹ nghệ Hải Anh	Đá granit rubi màu đỏ	18.000.000	10%	1.800.000	19.800.000
HA/11P	0000153	04/04/14	Công ty CP XD & SX Đá mỹ nghệ Hải Anh	Đá granit rubi màu đỏ	14.400.000	10%	1.440.000	15.840.000
AA/14P	0000191	10/04/14	Công ty CP thép và TM Hà Nội	Thép các loại	17.504.000	10%	1.750.400	19.254.400
BT/11P	0000379	12/04/14	DN tư nhân Bang Tùng	Gỗ chống, gỗ đà nẹp	7.000.000	10%	700.000	7.700.000
HL/11P	0000164	15/04/14	Công ty TNHH TM & XD Thanh Hiền Hòa	Xi măng	2.970.000	10%	297.000	3.267.000
TN/14P	0000653	28/04/14	DNTN SX TM Thịnh Ngọ	Tôn lợp mạ màu	147.227.500	10%	14.722.750	161.950.250
...
Tổng cộng					<u>2.207.886.747</u>	10%	220.788.674	2.428.675.421

(Nguồn: Đội xây lắp số 3)

Hình 2.4. Màn hình sổ chi tiết TK 621 (*)

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội - N'M 2014

He thong Danh muc Tong hop Bao cao Tro giup Table

2014 09:53:53 Thứ hai, ngày 22 tháng 06 năm 2015 Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

Sổ chi tiết tài khoản (F2 Tim kiếm dữ liệu, F3 sửa chung từ góc, F7 in, F9 máy tính, ESC thoát)

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	PS nợ	PS có	Ông bà
30/04/2014	04/06TR	Xuất NVL thi công CT cổng, tường rào ... Quận ủy Bắc Từ Liêm	152.06.0004	507 789 900		NI
31/05/2014	05/05TR	Xuất NVL thi công CT cổng, tường rào ... Quận ủy Bắc Từ Liêm	152.06.0004	396 000 000		NI
28/11/2014	TV11/04	CP vật liệu cọc bê tông 250x250 Ct Trung Văn	331.07.0005	335 983 047		Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long
28/11/2014	TV11/05	CP VL ép cọc BT 250x250 Ct Trung Văn	331.07.0005	61 797 765		Công ty TNHH Xây dựng số 2
30/11/2014	11/02-TV	Xuất NVL thi công CT tường mấm non Trung văn	152.09.0005	965 960 562		NI
31/12/2014	12/12-HQ	Xuất NVL thi công CT Hải quan	152.04.0000	118 181 818		
31/12/2014	12/12-HQ	K/c chi phí thi công CT Hải quan	154.04.0000		118 181 818	
31/12/2014	12/15TB	Xuất VL thi công CT tái định cư CT6 Từ Liêm	152.06.0003	562 930 606		
31/12/2014	12/16TB	K/c chi phí thi công CT tái định cư CT6 Từ Liêm	154.06.0003		2 207 457 772	NI
31/12/2014	12/17-TR	K/c chi phí thi công CT XD cổng, tường rào ... Quận ủy Bắc Từ Liêm	154.06.0004		1 483 541 376	NI
31/12/2014	12/19-BG	Xuất NVL thi công CT đường vành đai biên giới	152.02.0001	2 822 008 655		NI
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biên giới	154.02.0001		2 822 008 655	NI
31/12/2014	12/21-LD	Xuất NVL thi công CT lắp đặt nội thất	152.02.0004	46 170 000		NI
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	154.02.0004		46 170 000	NI
31/12/2014	12/23-CN	Xuất NVL thi công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	152.02.0005	2 207 886 747		NI
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	154.02.0005		2 207 886 747	NI
31/12/2014	12/25-XP	Xuất NVL thi công CT Trụ sở Phường Xuân phương	152.02.0005	451 670 384		NI
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường Xuân phương	154.02.0005		451 670 384	NI
31/12/2014	12/27-HV	Xuất NVL thi công CT Hồ vốc	152.02.0004	2 476 555 940		NI
31/12/2014	12/27-HV	K/c chi phí thi công CT Hồ vốc	154.02.0004		2 476 555 940	NI
31/12/2014	12/29N14	Xuất NVL thi công CT đường nhánh N14	152.02.0004	538 136 436		NI
31/12/2014	12/29N14	K/c chi phí thi công CT đường nhánh N14	154.02.0004		538 136 436	NI
31/12/2014	12/36TV	CP vật tư cọc bê tông CT Trung văn	335	198 901 953		Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long
31/12/2014	12/37-TV	Xuất NVL thi công CT tường mấm non Trung văn	152.09.0005	1 296 268 887		NI
31/12/2014	12/38-TV	K/c chi phí thi công CT Tường mấm non Trung văn	154.09.0005		3 430 535 216	NI
31/12/2014	TV12/04	CP vật liệu BTTP mắ , Bơm bê tông CT Trung Văn	331.07.0005	221 265 076		Xí nghiệp 5789 - Tổng công ty 789
31/12/2014	TV12/06	CP VL ép cọc BT CT Trung Văn	331.07.0005	13 013 579		Công ty TNHH Xây dựng số 2
31/12/2014	TV12/08	CP vật liệu BTTP mắ , Bơm bê tông CT Trung Văn	331.07.0005	337 344 347		Xí nghiệp 5789 - Tổng công ty 789

NUM 9:53:53

9:53 AM 6/22/2015

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

(*) Sổ cái TK 621 của Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội nhưng bị đặt tên là sổ chi tiết.

Biểu 2.6. Sổ chi tiết TK 621 (trích)CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI**SỔ CHI TIẾT**

Năm 2014

TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Ngày ghi số	Số CT		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				PS Nợ	PS Có
...
31/12	12/19-BG	31/12/2014	Xuất NVL thi công CT đường vành đai biên giới		152.02.00011	2.822.008.655	
31/12	12/19-BG	31/12/2014	K/c chi phí thi công CT đường vành đai biên giới		154.02.00011		2.822.008.655
31/12	12/21-LD	31/12/2014	Xuất NVL thi công CT lắp đặt nội thất		152.02.00044	46.170.000	
31/12	12/21-LD	31/12/2014	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất		154.02.00044		46.170.000
...
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Xuất NVL thi công CT trụ sở phường Cổ Nhuế		152.02.00050	2.207.886.747	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế		154.02.00050		2.207.886.747
...
			Cộng số phát sinh:			15.782.144.344	15.782.144.344

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2.2.2. *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp của công trình Cổ Nhuế là tiền lương chính của công nhân trực tiếp sản xuất, trực tiếp thực hiện các lao vụ tại công trường. Lực lượng nhân công này 100% là thuê ngoài, tiền lương được thỏa thuận giữa hai bên bằng hợp đồng lao động. Đối với bộ phận này, tổ trưởng mỗi tổ trong đội sẽ lập bảng chấm công theo dõi, tiền lương được xác định theo số ngày công lao động thực tế hoàn thành và số tiền công đã thống nhất trong hợp đồng lao động. Cụ thể:

Tiền lương 1 tháng của lao động thuê ngoài = Đơn giá tiền lương 1 ngày * Số ngày công thực tế trong tháng của lao động thuê ngoài.

Với bộ phận này, công ty không chịu trách nhiệm trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

Biểu 2.7. Hợp đồng lao động

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
TÂY HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)

Chúng tôi, một bên là Ông: **Nguyễn Văn Tứ** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Đội trưởng Đội xây lắp số 3

Đại diện cho (1): **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI**

(Giấy ủy quyền số: 12/GUQ-CTCPPTTHN)

Địa chỉ: Thị trấn Cầu Diễn – Huyện Từ Liêm – Hà Nội

Một bên là Ông (Bà): **Nguyễn Thành Long** Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 25 tháng 4 năm 1976

Tại: Phú Thọ

Trình độ (2): Công nhân

Hộ khẩu thường trú: Sơn Thủy – Thanh Thủy – Phú Thọ

Số CMND: 131864128

Ngày cấp: 09/12/2004

Tại: Công an Phú Thọ

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): HĐ lao động xác định thời hạn dưới 3 tháng.
- Từ ngày 5 tháng 3 năm 2014 đến ngày 30 tháng 4 năm 2014.

- Địa điểm làm việc (4): Tại công trình: Nâng cấp, chỉnh trang văn phòng làm việc phường Cổ Nhuế.

- Công việc phải làm (5): *Theo sự phân công, hướng dẫn của ban chỉ huy công trình.*

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc (6): *8 giờ/ 1 ngày; 48 giờ/ 1 tuần. Theo ca kíp.*

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: *Tùy theo phát sinh công việc được giao.*

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Tự lo.

- Tiền công: 250.000 đồng/ ngày (*Bằng chữ: hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.*)

- Được trả công từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

.....

2. Nghĩa vụ:

.....

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

.....

Điều 5: Điều khoản thi hành

.....

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Thành Long

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Nguyễn Văn Tứ

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ngoài hợp đồng lao động, sau khi công việc hoàn thành, công ty sẽ lập biên bản “Nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng” để từ đó làm cơ sở trả lương cho nhân công. Mỗi nhân công được thuê cũng phải được thông qua qua các văn bản: Bản cam kết xác nhận về thuế thu nhập cá nhân, Đơn xin làm việc.

Hàng ngày, tại các bộ phận thi công tại công trường, tổ trưởng có nhiệm vụ theo dõi và chấm công cho từng lao động trong bộ phận thông qua bảng chấm công. Cuối tháng, sau khi tính tổng số công trong tháng và đưa cho các lao động ký xác nhận, tổ trưởng sẽ ký tên vào bảng chấm công và gửi cho chỉ huy công trường ký duyệt, cuối

cùng gửi lại cho kế toán. Tiền lương nhân công trực tiếp bao gồm lương của nhiều tổ, mỗi tổ gồm nhiều nhân công.

Biểu 2.8. Bảng chấm công nhân công trực tiếp tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI
CT: Nâng cấp, chỉnh trang văn phòng làm việc phường
Cổ Nhuế

Địa chỉ: Khu Liên Cơ, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4)22186301; Fax: (84-4)37649572

BẢNG CHẤM CÔNG NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tổ ông: Nguyễn Văn Đức

Tháng 04 năm 2014

TT	Họ và tên	Chức danh	NGÀY TRONG THÁNG/THỨ TRONG TUẦN										Tổng ngày công
			01	02	03	04	05	27	28	29	30	
			T.ba	T.tư	T.năm	T.sáu	T.bảy	C.nhật	T.hai	T.ba	T.tư	
1	Nguyễn Văn Đức	TT	x	x	x	x	x					23
2	Nguyễn Thành Long	CN	x	x	x	x	x			x		24
3	Trần Ngọc Huyền	CN	x	x	x	x	x				x		24
...
10	Nguyễn Thị Thảo	CN	x	x	x	x	x			x		24
11	Nguyễn Văn Hợi	CN	x	x	x	x	x			x		24
12	Nguyễn Văn Khuyến	CN	x	x	x	x	x					23
	Tổng cộng												284

NGƯỜI DUYỆT

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

NGƯỜI CHẤM CÔNG

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.9. Bảng thanh toán lương nhân công trực tiếp tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI
 CT: Nâng cấp, chỉnh trang văn phòng làm việc phường
 Cổ Nhuế

Địa chỉ: Khu Liên Cơ, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4)22186301; Fax: (84-4)37649572

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Công nhân trực tiếp

Tổ ông: Nguyễn Văn Đức

Tháng 04 năm 2014

PK10/CN

TT	Họ và tên	Chức danh	Số công	Tiền công/ngày	Lương tháng	Phụ cấp	Các khoản giảm trừ	Lương thực lĩnh	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Đức	TT	23	260.000	5.980.000			5.980.000	
2	Nguyễn Thành Long	CN	24	250.000	6.000.000			6.000.000	
3	Trần Ngọc Huyền	CN	24	250.000	6.000.000			6.000.000	
...	
10	Nguyễn Thị Thảo	CN	24	250.000	6.000.000			6.000.000	
11	Nguyễn Văn Hợi	CN	24	250.000	6.000.000			6.000.000	
12	Nguyễn Văn Khuyến	CN	23	250.000	5.980.000			5.980.000	
	Tổng cộng							71.230.000	

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

NGƯỜI DUYỆT

Nguyễn Văn Tứ

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Lai

TỔ ĐỘI THI CÔNG

Nguyễn Văn Đức

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng chấm công và thanh toán lương trên là bảng lương 1 tháng của 1 tổ thuộc đội xây lắp 3. Tiền lương của 1 công nhân được tính như sau:

$$\begin{aligned}\text{Ví dụ tiền lương của ông Nguyễn Thành Long} &= \text{Số công} * \text{Tiền công ngày} \\ &= 24 * 250.000 = 6.000.000 \text{ đồng}\end{aligned}$$

Căn cứ vào các bảng thanh toán lương của các tổ, đội trưởng sẽ viết giấy xin tạm ứng tiền lương. Kế toán hạch toán:

$$\left. \begin{array}{l} \text{Nợ TK 141.011} \\ \text{Có TK 111/112} \end{array} \right\} \text{ Tổng lương tháng của tất cả các đội}$$

Khi trả lương cho nhân công theo hợp đồng, ghi:

$$\begin{array}{l} \text{Nợ TK 3348.1.00050 – chi tiết cho CT Cổ Nhuế} \\ \text{Có TK 141.011} \end{array}$$

Cuối kỳ kế toán mới hạch toán tổng chi phí tiền lương nhân công trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Nợ TK 622} \\ \text{Có TK 3348.1.00050} \end{array}$$

Việc hạch toán của kế toán công ty như trên là chưa hợp lý, không đúng trình tự. (Lương tháng 4 đã thanh toán cho nhân công, ghi giảm nợ phải trả - TK 334 trong khi đến cuối năm mới ghi có TK 334). Chi phí phát sinh tháng nào cần ghi nhận ngay vào tháng đó để tránh sai sót và nhầm lẫn giữa số liệu của các công trình khác.

Các chứng từ liên quan đến chi phí nhân công trong tháng được chuyển về phòng kế toán cho kế toán tiền lương tổng hợp tiến hành nhập liệu vào phần mềm và bảo quản và lưu giữ chứng từ. Chi phí tiền lương sẽ được cập nhật vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 622 và các sổ liên quan khác.

Công trình Cổ Nhuế chỉ phát sinh chi phí nhân công trực tiếp trong hai tháng 3 và 4 nên kế toán đã không nhập chi tiết từng tháng cho tài khoản 622 của công trình này. Cuối kỳ kế toán trưởng chỉ lấy số liệu tổng hợp của kế toán đội và nhập vào sổ cái. (Công ty cũng không sử dụng sổ chi tiết cho TK 622 mà chỉ dùng sổ cái và được đặt tên là sổ chi tiết).

Biểu 2.10. Bảng tổng hợp lương nhân công trực tiếp
BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG CÔNG NHÂN TRỰC TIẾP

Công trình Cổ Nhuế năm 2014

Số hiệu: 12/23-CN

TT	Họ tên	Chức vụ	T3/2014	T4/2014	Cộng tổng
	Cộng tổng		289.430.000	345.800.000	<u>635.230.000</u>
I.	Tổ ông: Nguyễn Văn Đức		45.150.000	71.230.000	116.380.000
1	Nguyễn Văn Đức	TT	3.900.000	5.980.000	9.880.000
2	Nguyễn Thành Long	CN	3.750.000	6.000.000	9.750.000
3	Trần Ngọc Huyền	CN	3.750.000	6.000.000	9.750.000
...
10	Nguyễn Thị Thảo	CN	3.750.000	6.000.000	9.750.000
11	Nguyễn Văn Hợi	CN	3.750.000	6.000.000	9.750.000
12	Nguyễn Văn Khuyến	CN	3.750.000	5.980.000	9.730.000
II.	Tổ ông: Nguyễn Văn Cảnh		62.900.000	89.720.000	152.620.000
...
III.	Tổ ông: Nguyễn Văn Lệ		54.720.000	51.650.000	106.370.000
...
IV.	Tổ ông: Trần Trung Dũng		65.740.000	59.520.000	125.260.000
...
V.	Tổ ông: Trần Duy Bình		60.920.000	73.680.000	134.600.000
...

(Nguồn: Đội xây lắp số 3)

Hình 2.5 Màn hình sổ chi tiết TK 622 (*)

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội - N.T.M 2014

He thong Danh mục Tong hop Bao cao Tro giup Table

2014 09:54:56 Thứ hai, ngày 22 tháng 06 năm 2015 Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

So chi tiết tại khoản (F2) Tìm kiếm dữ liệu, (F3) sửa chung từ góc, (F7) in, (F9) máy tính, (ESC) thoát

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	PS nợ	PS có	Ông bà	Mã KH	Tên khách hàng
		Dư nợ đầu ngày						
/ /		Tổng ps		10 155 787 090	10 155 787 090			
		Dư nợ cuối ngày						
/ /								
28/11/2014	TV11/04	CP NC cọc bê tông 250x250 CT Trung Ván	331.07.0005	115 083 545		Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Lo	KH00142	Công ty Cổ phần xây dự
28/11/2014	TV11/05	CP NC ép cọc BT 250x250 CT Trung Ván	331.07.0005	108 406 612		Công ty TNHH Xây dựng số 2	KH00141	Công ty TNHH Xây dự
31/12/2014	12/13-HQ	CP nhân công trực tiếp thi công CT S/c c	3348.3.0005	26 850 000			NLD00006	Nhân công trực tiếp - Đ
31/12/2014	12/13-HQ	K/c chi phí thi công CT S/c toà nhà Viett	154.04.0005		26 850 000		NB00006	Đội XL số 5
31/12/2014	12/14TĐC	CP nhân công điện CT tái định cư CT6 T	335	520 873 246			KH00367	Công ty CP Xây lắp TM
31/12/2014	12/16TĐC	CP nhân công trực tiếp thi công CT tái đ	3348.5.0003	937 750 000			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/16TĐC	K/c chi phí thi công CT tái định cư CT6 T	154.06.0003		1 504 433 442		NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/17-TR	CP nhân công trực tiếp thi công CT công	3348.5.0004	554 640 000			NB00123	BCH công trình: XD c
31/12/2014	12/17-TR	K/c chi phí thi công CT XD công, tường r	154.06.0004		554 640 000		NB00123	BCH công trình: XD c
31/12/2014	12/19-BG	CP nhân công trực tiếp CT đường vành đ	3348.1.0001	863 000 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	154.02.0001		863 000 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	CP nhân công trực tiếp thi công CT lắp đ	3348.1.0004	16 160 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thà	154.02.0004		16 160 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	CP nhân công trực tiếp thi công CT trụ s	3348.1.0005	635 230 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ s Phường C	154.02.0005		635 230 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	CP nhân công trực tiếp thi công CT trụ s	3348.1.0005	182 440 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ s Phường X	154.02.0005		182 440 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/27-HV	CP nhân công trực tiếp thi công CT Hồ v	3348.1.0004	3 059 800 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/27-HV	K/c chi phí thi công CT Hồ v	154.02.0004		3 059 800 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/29N14	CP nhân công trực tiếp thi công CT đườn	3348.1.0004	41 800 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/29N14	K/c chi phí thi công CT đường nhánh N1	154.02.0004		41 800 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/33HH	CP nhân công trực tiếp thi công CT đườn	3348.1.0004	1 461 400 000			NLD00003	Nhân công trực tiếp
31/12/2014	12/33HH	K/c CP thi công CT đường nối đ	154.02.0004		1 461 400 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/36TV	CP nhân công cọc bê tông CT Trung v	335	68 129 455		Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Lo	KH00142	Công ty Cổ phần xây dự
31/12/2014	12/38-TV	CP nhân công trực tiếp thi công CT Tru	3348.6.0005	1 480 080 000			NB00126	BCH công trình Trườn
31/12/2014	12/38-TV	K/c chi phí thi công CT Trườn m	154.09.0005		1 810 033 648		NB00126	BCH công trình Trườn
31/12/2014	TV01	CP nhân công đắp đầu cọc CT trườn M	331.07.0005	6 026 000		Nhân công trực tiếp - CT Trung v	NLD00014	Nhân công trực tiếp - C
31/12/2014	TV12/04	CP nhân công BTTP m	331.07.0005	3 726 812		Xí nghiệp 5789 - Tổng công ty 789	KH00272	Xí nghiệp 5789 - Tổng c
31/12/2014	TV12/06	CP NC ép cọc BT CT Trung V	331.07.0005	22 828 626		Công ty TNHH Xây dựng số 2	KH00141	Công ty TNHH Xây dự
31/12/2014	TV12/08	CP nhân công BTTP m	331.07.0005	5 752 598		Xí nghiệp 5789 - Tổng công ty 789	KH00272	Xí nghiệp 5789 - Tổng c
31/12/2014	TĐC9/12/	CP nhân công điện CT Tái định cư CT6	331.06.0003	45 810 196		Công ty CP Xây lắp TM & Sản Xuất An Ph	KH00367	Công ty CP Xây lắp TM

NUM 9:54:55 6/22/2015

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

(*) Sổ cái TK 622 của Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội nhưng bị đặt tên là sổ chi tiết.

Biểu 2.11. Sổ chi tiết TK 622 (trích)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT

Năm 2014

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Ngày ghi số	Số CT		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				PS Nợ	PS Có
...
31/12	12/19-BG	31/12/2014	CP nhân công trực tiếp thi công đường vành đai biên giới		3348.1.00011	863.000.000	
31/12	12/21-LD	31/12/2014	CP nhân công trực tiếp CT lắp đặt nội thất		3348.1.00044	16.160.000	
31/12	12/21-LD	31/12/2014	K/c CP nhân công trực tiếp CT lắp đặt nội thất		154.02.00044		16.160.000
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Chi phí nhân công trực tiếp CT Cổ Nhuế		3348.1.00050	635.230.000	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công trực tiếp CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế		154.02.00050		635.230.000
...
			Cộng số phát sinh:			10.155.787.090	10.155.787.090

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của công ty là các loại chi phí liên quan đến việc quản lý công trình và các hoạt động sản xuất chung của các đội, được tập hợp theo công trình, bao gồm: Tiền lương nhân viên quản lý đội xây dựng; ban chỉ huy công trình, các khoản trích theo lương, các chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội; các chi phí phát sinh bằng tiền khác dùng cho hoạt động của đội...

Để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong công ty, kế toán sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung, chi tiết cho công trình Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế gồm 3 tài khoản chi tiết:

TK 6271: Chi phí nhân viên

TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6277: Chi phí sản xuất chung khác.

Đối với chi phí nhân viên

Chi phí nhân viên được chia làm 2 khoản: lương ban chỉ huy công trình (bộ phận trực tiếp quản lý và làm việc tại công trình) và lương quản lý đội (bao gồm các nhân viên trên văn phòng đội: kỹ sư làm hồ sơ, kế toán,...) thuộc biên chế công ty, nhận lương khoán, có tính các khoản giảm trừ: BHXH, BHYT, BHTN. Chi phí tiền lương của ban chỉ huy được tính theo phương pháp trực tiếp từng công trình; của bên quản lý đội tính theo phương pháp gián tiếp, phân bổ vào cuối kỳ (bởi một đội có thể quản lý nhiều công trình).

a. Lương ban chỉ huy công trình:

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng tính lương, kế toán xác định được khoản chi phí tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương của bộ phận sản xuất chung. Cuối tháng phát sinh chi phí (công trình Cổ Nhuế chỉ phát sinh chi phí lương ban chỉ huy vào tháng 3 và 4), kế toán hạch toán xác định tiền lương cho ban chỉ huy công trình.

Tính lương cho nhân viên Trần Văn Phát

Công thức tính lương:

Thực lĩnh = Tổng lương - Các khoản giảm trừ.

Cụ thể: Tổng lương = Lương thực tế + Phụ cấp

Lương chính bao gồm Lương cơ bản (tính theo hệ số từng nhân viên theo quy định nhà nước) và Lương theo hợp đồng/ tháng (tùy theo chức vụ và trình độ mà công ty trả cho nhân viên theo hợp đồng lao động).

– Lương cơ bản dùng để tính các khoản giảm trừ theo quy định.

Các khoản giảm trừ bao gồm: BHXH 8% * Tiền lương cơ bản

BHYT 1,5% * Tiền lương cơ bản

BHTN 1% * Tiền lương cơ bản

– Lương theo hợp đồng để tính tiền lương thực tế theo ngày công.

Lương thực tế = Lương theo hợp đồng / 26 * Số công thực tế

(Công ty tính 26 ngày công trên một tháng)

Từ đó, ta tính được:

Tiền lương thực tế của nhân viên Phát = $(7.000.000 * 19) / 26 = 5.115.385$ đồng

Phụ cấp: 2.000.000 đồng

Tổng lương = $5.115.385 + 2.000.000 = 7.115.385$ đồng

Các khoản giảm trừ phải trích:

– BHXH = $3.047.500 * 8\% = 243.800$ đồng

– BHYT = $3.047.500 * 1,5\% = 45.713$ đồng

– BHTN = $3.047.500 * 1\% = 30.475$ đồng

Thực lĩnh = $7.115.385 - 243.800 - 45.713 - 30.475 = 6.795.397$ đồng

Biểu 2.12. Bảng chấm công ban chỉ huy tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CHẤM CÔNG BAN CHỈ HUY

Công trình Cỗ Nhuế

Tháng 04 năm 2014

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày trong tháng/thứ trong tuần										Tổng ngày công
			01	02	03	04	05	27	28	29	30	
			T.ba	T.tư	T.năm	T.sáu	T.bảy	C.nhật	T.hai	T.ba	T.tư	
1	Trần Văn Phát	Kỹ thuật	x	x	x	x						19
2	Nguyễn Đức Lai	K.toán	x	x	x	x	x					20
	Tổng cộng												39

Ngày tháng năm 2014

Phụ trách bộ phận

Người chấm công

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.13. Bảng thanh toán lương ban chỉ huy tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ- TT Cầu Diễn- Từ Liêm- Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CBCNV – BAN CHỈ HUY

CÔNG TRÌNH CỔ NHUẾ

Tháng 04 năm 2014

PK9/CN

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương chính		Số ngày công	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản giảm trừ					Thu nhập thực lĩnh	Ký nhận
			Lương CB	Lương theo HD/ tháng					Tạm ứng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng		
A	B	C	1	2	3	$4=(2/26)*3$	5	$6=(4+5)$	7	$8=(1*8\%)$	$9=(1*1,5\%)$	$10=(1*1\%)$	$11=(7+8+9+10)$	$12=(6-11)$	D
1	Trần Văn Phát	Kỹ thuật	3.047.500	7.000.000	19	5.115.385	2.000.000	7.115.385		243.800	45.713	30.475	319.988	6.795.397	
2	Nguyễn Đức Lai	K.toán	3.404.000	4.500.000	20	3.461.538	1.000.000	4.461.538		272.320	51.060	34.040	357.420	4.104.118	
	Tổng cộng		6.451.500	11.500.000	39	8.576.923	3.000.000	<u>11.576.923</u>	-	516.120	96.773	64.515	677.408	10.899.515	

Bảng chữ : Mười triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm mười lăm đồng

Người lập biểu

Kế toán

Người duyệt

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

b. Lương bộ phận quản lý đội (Lương gián tiếp):

Tương tự như ban chỉ huy, tiền lương bộ phận quản lý được tính dựa vào bảng chấm công và bảng tính lương. Lương được tính theo từng tháng, sau đó cuối kỳ sẽ chia và phân bổ theo khối lượng hoàn thành từng công trình.

Biểu 2.14. Bảng chấm công bộ phận quản lý tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: CBCNV văn phòng đội

Tháng 04 năm 2014

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày trong tháng/Thứ trong tuần										Cộng
			01	02	03	04	05	27	28	29	30	
			T.ba	T.tư	T.năm	T.sáu	T.bảy	C.nhật	T.hai	T.ba	T.tư	
1	Nguyễn Văn Tứ	ĐT	x	x	x	x	x					20
2	Trần Mai Việt Linh	K.toán	x	x	x	x	x					20
3	Trần Thị Thơm	K.thuật	x	x	x	x	x						20
Tổng cộng													60

Ngày tháng năm 2014

Phụ trách bộ phận

Người chấm công

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.15. Bảng thanh toán lương bộ phận quản lý tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ- TT Cầu Diễn- Từ Liêm- Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CBCNV

Tháng 04 năm 2014

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương chính		Số ngày công	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản giảm trừ					Thu nhập thực lĩnh	Ký nhận
			Lương CB	Lương theo HD/ tháng					Tạm ứng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng		
A	B	C	1	2	3	4=(2/26)*3	5	6=(4+5)	7	8=(1*8 %)	9=(1*1,5 %)	10=(1*1 %)	11=(7+8+9+10)	12=(6-11)	D
1	Nguyễn Văn Tứ	Kỹ thuật	2.691.000	9.000.000	20	6.923.077		6.923.077		215.280	40.365	26.910	282.555	6.640.522	
2	Trần Mai Việt Linh	K.toán	2.288.500	4.500.000	20	3.461.538		3.461.538		183.080	34.328	22.885	240.293	3.221.245	
3	Trần Thị Thom	K.thuật	3.047.500	4.500.000	20	3.461.538		3.461.538		243.800	45.713	30.475	319.988	3.141.550	
	Tổng cộng		8.027.000	18.000.000	60	13.846.153	-	<u>13.846.153</u>	-	642.160	120.406	80.270	842.836	13.003.317	

Bảng chữ : Mười ba triệu, không trăm linh ba nghìn, ba trăm mười bảy đồng

Người lập biểu

Kế toán

Người duyệt

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ví dụ: Tính lương cho nhân viên Nguyễn Văn Tứ

Công thức tính lương:

Thực lĩnh = Tổng lương - Các khoản giảm trừ.

Cụ thể: Tổng lương = Lương thực tế

Lương chính bao gồm Lương cơ bản (tính theo hệ số từng nhân viên theo quy định nhà nước) và Lương theo hợp đồng/ tháng (tùy theo chức vụ và trình độ mà công ty trả cho nhân viên theo hợp đồng lao động).

– Lương cơ bản dùng để tính các khoản giảm trừ theo quy định.

Các khoản giảm trừ bao gồm: BHXH 8% * Tiền lương cơ bản

BHYT 1,5% * Tiền lương cơ bản

BHTN 1% * Tiền lương cơ bản

– Lương theo hợp đồng để tính tiền lương thực tế theo ngày công.

Lương thực tế = Lương theo hợp đồng/ 26 * Số công thực tế

(Công ty tính 26 ngày công trên một tháng)

Từ đó, ta tính được:

Tiền lương thực tế của nhân viên Tứ = $(9.000.000 * 20) / 26 = 6.923.077$ đồng

Các khoản giảm trừ phải trích:

– BHXH = $2.691.000 * 8\% = 215.280$ đồng

– BHYT = $2.691.000 * 1,5\% = 40.365$ đồng

– BHTN = $2.691.000 * 1\% = 26.910$ đồng

Thực lĩnh = $6.923.077 - 215.280 - 40.365 - 26.910 = 6.640.522$ đồng

Do tính chất công việc, mỗi đội xây lắp phải phụ trách nhiều công trình nên tiền lương bộ phận quản lý được tính cho cả đội theo từng tháng và cuối kỳ phân bổ theo khối lượng hoàn thành của công trình.

Kế toán hạch toán như sau:

– Xin tạm ứng lương ghi:

Nợ TK 141.011

Có TK 1111.1

– Trả lương hàng tháng cho nhân viên ghi:

Nợ TK 3348.1

Có TK 141.011

Cuối năm, kế toán đội tổng hợp lương quản lý đội và lập bảng tổng hợp lương (Biểu 2.16 – tr 62), bảng dự toán kinh phí công trình (Biểu 2.17 – tr 63) để làm căn cứ phân bổ.

Biểu 2.16. Bảng tổng hợp lương quản lý đội xây lắp số 3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ – TT Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG CBCNV VĂN PHÒNG ĐỘI XÂY LẮP SỐ 3

Năm 2014

STT	Chứng từ		Nội dung	Số tiền
	Ngày tháng	Chứng từ		
1	31/01/2014	BTTL-CN01	Lương tháng 1	24.666.667
2	28/02/2014	BTTL-CN02	Lương tháng 2	25.020.833
3	31/03/2014	BTTL-CN03	Lương tháng 3	14.538.461
4	29/04/2014	BTTL-CN04	Lương tháng 4	13.846.153
5	31/05/2014	BTTL-CN05	Lương tháng 5	28.444.444
6	30/06/2014	BTTL-CN06	Lương tháng 6	29.760.000
7	31/07/2014	BTTL-CN07	Lương tháng 7	29.574.073
8	31/08/2014	BTTL-CN08	Lương tháng 8	28.615.383
9	30/09/2014	BTTL-CN09	Lương tháng 9	28.442.306
10	31/10/2014	BTTL-CN10	Lương tháng 10	30.074.073
11	30/11/2014	BTTL-CN11	Lương tháng 11	28.400.000
12	31/12/2014	BTTL-CN12	Lương tháng 12	20.607.746
Tổng cộng				<u>301.990.139</u>

(Nguồn: Đội xây lắp 3)

Biểu 2.17. Bảng dự toán kinh phí năm 2014 (Đội xây lắp 3)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ – TT Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2014

ĐỘI XÂY LẮP SỐ 3

STT	Mã hiệu	ND công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	00050	Công trình Cỗ Nhuế (100% khối lượng)				<u>3.002.331.285</u>
		NVL trực tiếp (VL)				2.207.886.747
		Đá granit	M2	100	1.800.000	180.000.000
		Thép XD D1 ly	Kg	50	24.000	1.200.000
		Thép XD D12 – D18	Kg	1000	20.000	20.000.000
	
		Nhân công (NC)				635.230.000
		Chi phí SXC (C=5,6%*(VL+NC))				159.214.537
2	00011	CT vành đai biên giới (70% khối lượng)				3.891.369.140
		NVL trực tiếp (VL)				2.822.008.655
		Thép XD D≤10	Kg	12000	20.000	240.000.000
		Thép XD D12 – D18	Kg	15000	20.000	300.000.000
	
		Nhân công (NC)				863.000.000
		Chi phí SXC (C=5,6%*(VL+NC))				206.360.484
..
Cộng tổng						<u>17.655.980.723</u>

(Nguồn: Đội xây lắp số 3)

Biểu 2.18. Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương đội 3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ – TT Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội

BẢNG KÊ TRÍCH NỘP CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG ĐỘI XÂY LẮP SỐ 3

Năm 2014

STT	Họ tên	HSL	Tổng mức lương tham gia BH	Tính vào CP (24%)	Trừ vào lương người LĐ (10,5%)			Trừ vào lương NLĐ (10,5%)	Tổng số nộp cấp trên (34,5%)
					BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]				[6]	[7]=[5]+[6]
...
1	Nguyễn Văn Tứ	2,34	2.691.000	645.840	215.280	40.365	26.910	282.555	928.395
2	Nguyễn Thành Sơn	2,18	2.507.000	601.680	200.560	37.605	25.070	263.235	864.915
...
Cộng tháng 4			42.814.500	10.275.480	3.425.160	642.222	428.145	4.495.527	14.771.007
...
Cộng tháng 12			25.093.000	6.022.320	2.007.440	376.398	250.930	2.634.768	8.657.088
Tổng			480.780.500	<u>115.387.462</u>	38.462.440	7.211.759	4.807.805	50.482.004	165.869.324

(Nguồn: Đội xây lắp 3)

Cụ thể việc phân bổ vào cuối kỳ như sau:

- Tổng lương quản lý của cả đội là 301.990.139 đồng (Biểu 2.16 – tr 62).
- Năm 2014 Đội 3 có 9 công trình (CT Xuân Phương, CT đường nhánh N14, Hồ Vốc,...) với tổng khối lượng hoàn thành là 17.655.980.723 đồng (Biểu 2.17 – tr 63).
- Giá thành dự toán (*) công trình Cỏ Nhuế là 3.002.331.285 đồng (Biểu 2.17 – tr 63).

Vậy chi phí tiền lương gián tiếp phân bổ cho CT Cỏ Nhuế là:

$$\frac{301.990.139}{17.655.980.723} * 3.002.331.285 = 51.352.256 \text{ đồng}$$

Các khoản trích theo lương được tính tổng cho cả đội (bao gồm cả ban chỉ huy và quản lý đội) là 115.387.462 đồng (Biểu 2.18 – tr 64) rồi cuối kỳ phân bổ theo khối lượng hoàn thành từng công trình. Chi phí các khoản trích theo lương phân bổ cho CT Cỏ Nhuế là:

$$\frac{115.387.320}{17.655.980.723} * 3.002.331.285 = 19.401.802 \text{ đồng}$$

Tiền lương tháng 3, tháng 4 dựa theo bảng lương của ban chỉ huy công trình lần lượt là 12.115.384 đồng (Phụ lục 1) và 11.576.923 đồng (Biểu 2.13 - tr 58). Do đó tổng chi phí lương ban chỉ huy CT Cỏ Nhuế là: $12.115.384 + 11.576.923 = 23.692.307$ đồng.

[(*) Giá thành dự toán dùng để phân bổ bao gồm chi phí thực tế kết hợp với chi phí SXC dự toán: NVL trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp tính và hạch toán theo chi phí phát sinh thực tế, chi phí SXC được ước tính theo bản kế hoạch].

Hình 2.6. Bảng phân bổ chi tiết tiền lương bộ phận sản xuất chung

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

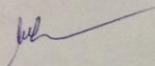
Đại xây lắp số 3

BẢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT CHI PHÍ CHUNG NĂM 2014

688.550

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Phân bổ CT								Tổng cộng	Còn lại	
			CT đường tuần tra biên giới Pom Lót- Núa Ngam- Huổi Puốc	CT đường nối đê Tiên Tân- Hữu Hồng	CT đường nhánh N14	CT Xuân Phương	CT Cổ Nhuế	Hồ Vắc	Châu Á	Máy làm thuê cty 246			Máy làm thuê Bắc Ninh
	Xuất HD	17.941.253.846	5.092.351.818	1.606.105.454		678.320.000	2.962.870.909	6.856.656.364	76.930.000	39.727.273	173.746.573		13
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Lương gián tiếp	301.990.139	94.799.865	21.908.643	4.878.148	2.867.465	51.352.256	118.839.054	1.333.345		6.011.363	301.990.139	-
2	Lương CBCNV thi công tại CT	507.773.671	136.129.428	159.691.751	8.962.963	16.442.307	23.692.307	162.854.915				507.773.671	-
3	BHXH, BHYT, KPCĐ	115.387.320	31.248.706	10.517.279	1.976.504	4.441.851	19.401.802	44.899.522	503.762	260.147	2.137.747	115.387.320	-
4	Chi phí phân bổ CCDC sử dụng trong kỳ	156.117.969	71.062.619	64.629.586	7.136.364			13.289.400				156.117.969	-
5	Chi phí lãi vay phân bổ cho từng công trình												-
6	Phi bảo lãnh												-
7	Phân bổ ô tô Hilux bán tải 2 cầu	58.324.514	7.980.502	6.480.502	6.480.502	6.480.502	6.480.502	10.480.502	980.502	6.480.502	6.480.498	58.324.514	-
8	Chi phí chung	227.484.397	85.019.582		6.089.603	13.977.491	44.815.429	70.948.456	2.108.146		4.525.690	227.484.397	-
	Cộng	1.367.078.010	426.240.702	263.227.761	35.524.084	44.209.616	145.742.296	421.311.849	4.925.755	6.740.649	19.155.298	1.367.078.010	-

Người lập



Trần Mai Việt Linh

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ở công trình Cổ Nhuế kế toán không nhập số liệu chi tiết cho tài khoản 6271 do nghiệp vụ phát sinh ít, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương chỉ hạch toán vào cuối kỳ.

Đối với chi phí khấu hao TSCĐ:

Chi phí khấu hao là toàn bộ mức khấu hao trích cho TSCĐ phục vụ thi công. Tuy nhiên, kế toán TSCĐ không lập bảng tính và phân bổ khấu hao theo tháng mà chỉ lập bảng tính và phân bổ khấu hao toàn bộ TSCĐ theo kỳ hạch toán cho từng công trình.

TSCĐ dùng cho công trình Cổ Nhuế là ô tô Hilux bán tải 2 cầu. Đây là tài sản dùng chung cho nhiều công trình như: CT đường tuần tra biên giới Pom Lót – Núa Ngam – Huổi Puốc, CT đường nối đê Tiên Tân – Hữu Hồng, CT đường nhánh N14,... nên theo nguyên tắc kế toán TSCĐ này sẽ phải tiến hành phân bổ theo khối lượng hoàn thành. Nhưng thực tế, kế toán dựa vào nguyên giá của tài sản và tính khấu hao đường thẳng theo năm, sau đó trong các công trình đội thực hiện, công trình nào thiếu chi phí sẽ phân bổ lượng tương ứng vào công trình đó. Cách làm này là chưa đúng với nguyên tắc kế toán.

Với chi phí khấu hao TSCĐ công trình Cổ Nhuế chỉ sử dụng 1 TSCĐ là xe ô tô bán tải nên kế toán cũng không nhập số liệu chi tiết cho tài khoản 6274. Cuối kỳ, chi phí khấu hao TSCĐ được hạch toán chung vào sổ cái TK 627.

Ô tô Hilux bán tải 2 cầu có Nguyên giá là 583.245.143 đồng, thời gian sử dụng là 10 năm. Vậy khấu hao năm của ô tô là: $583.245.143 / 10 = 58.324.514$ đồng. Để các khoản chi phí hợp lý với từng công trình, kế toán ước lượng và tự phân bổ chi phí khấu hao năm 58.324.514 đồng cho 9 công trình của đội năm 2014. Và chi phí khấu hao TSCĐ của công trình Cỏ Nhuế là 6.480.502 đồng.

Cách phân bổ khấu hao này là không đúng đối với các phương pháp kế toán, chỉ dựa vào sự định lượng và cân đối của kế toán viên nên có thể sẽ có sự sai lệch, không chính xác giữa các công trình, giữa số liệu TSCĐ được dùng thực tế so với chi phí khấu hao được phân bổ; đồng thời cũng gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đánh giá sổ sách sau này.

Hình 2.7. Bảng phân bổ chi tiết TSCĐ đội xây lắp 3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

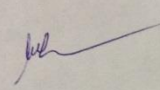
Đội xây lắp số 3

BẢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT CHI PHÍ CHUNG NĂM 2014

688.550

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Phân bổ CT								Tổng cộng	Còn lại	
			CT đường tuần tra biên giới Pom Lót - Núi Ngam - Huổi Púoc	CT đường nối đê Tiên Tân - Hữu Hồng	CT đường nhánh N14	CT Xuân Phưong	CT Cỏ Nhuế	Hồ Vốc	Châu Á	Máy làm thuê Cty 246			Máy làm thuê Bắc Ninh
	Xuất HD	17.941.253.846	5.092.351.818	1.606.105.454		678.320.000	2.962.870.909	6.856.656.364	76.930.000	39.727.273	173.746.573		13
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Lương gián tiếp	301.990.139	94.799.865	21.908.643	4.878.148	2.867.465	51.352.256	118.839.054	1.333.345		6.011.363	301.990.139	-
2	Lương CBCNV thi công tại CT	507.773.671	136.129.428	159.691.751	8.962.963	16.442.307	23.692.307	162.854.915			2.137.747	507.773.671	-
3	BHXH, BHYT, KPCĐ	115.387.320	31.248.706	10.517.279	1.976.504	4.441.851	19.401.802	44.899.522	503.762	260.147		115.387.320	-
4	Chi phí phân bổ CCDC sử dụng trong kỳ	156.117.969	71.062.619	64.629.586	7.136.364			13.289.400				156.117.969	-
5	Chi phí lãi vay phân bổ cho từng công trình												-
6	Phí bảo lãnh												-
7	Phân bổ ô tô Hilux bán tải 2 cầu	58.324.514	7.980.502	6.480.502	6.480.502	6.480.502	6.480.502	10.480.502	980.502	6.480.502	6.480.498	58.324.514	-
8	Chi phí chung	227.484.397	85.019.582		6.089.603	13.977.491	44.815.429	70.948.456	2.108.146		4.525.690	227.484.397	-
													-
	Cộng	1.367.078.010	426.240.702	263.227.761	35.524.084	44.209.616	145.742.296	421.311.849	4.925.755	6.740.649	19.155.298	1.367.078.010	-

Người lập



Trần Mai Việt Linh

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Đối với chi phí sản xuất chung khác

Chi phí sản xuất chung khác bao gồm chủ yếu là những chi phí như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, tiền thuê vận chuyển... Kế toán sau khi nhận được đầy đủ các chứng từ liên quan đến chi phí mua ngoài như các Hóa đơn tiền điện, tiền nước... sẽ tiến hành thanh toán với nhà cung cấp. Kế toán sẽ sử dụng phương pháp trực tiếp để tiện cho việc hạch toán.

Căn cứ theo bản kế hoạch dự toán, đội trưởng sẽ viết giấy xin tạm ứng tiền để phục vụ việc mua nguyên vật liệu cũng như chi trả các chi phí sản xuất chung khác. Sau khi kế toán trưởng xét duyệt, đơn xin tạm ứng được chuyển cho giám đốc thông qua. Từ đó kế toán xuất phiếu chi cho đội. Cụ thể:

Ngày 01/04/2014 đội có nhu cầu về chi phí sản xuất chung, ông Nguyễn Văn Tứ - đội trưởng đội xây lắp đến phòng kế toán để xin tạm ứng tiền (Biểu 2.19), kế toán ghi nhận vào chi phí sản xuất chung sử dụng cho hạng mục công trình, kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.20) đồng thời thủ quỹ xuất tiền mặt cho ông Tứ. Sau đó dựa theo các hóa đơn GTGT mua hàng của đội, cuối kỳ kế toán mới hạch toán số tiền thừa thiếu của khoản tạm ứng.

Biểu 2.19. Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
TÂY HÀ NỘI

Mẫu số: 03-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bộ phận: Đội XL số 3

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Kính gửi: Ông Tổng Giám Đốc

Tên tôi là: Nguyễn Văn Tứ

Địa chỉ: Đội XL số 3

Đề nghị tạm ứng số tiền: 10.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng chi phí sản xuất chung - CT Cổ Nhuế

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.20. Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Ngõ Máy Kéo, Khu Liên Cơ, Từ Liêm, HN

Mã số thuế: 0100705187

Telefax: 04.37673122

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ Tài Chính

Số: 13/10

Nợ: 141.011

Có: 1111.1

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Tứ

Địa chỉ: Đội xây lắp 3

Lý do chi: Tạm ứng CP công trình Cổ Nhuế

Số tiền: 10.000.000 đồng

Viết bằng chữ: Mười triệu đồng đồng chẵn ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền.

Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Giám đốc

(đã ký)

Kế toán trưởng

(đã ký)

Thủ quỹ

(đã ký)

Người nhận tiền

(đã ký)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Ngày 04/04/2014, đội mua mua dầu DO 0,05S phục vụ cho xe đi lại của chỉ huy công trường, số lượng 54 lít theo HĐ GTGT số 0042974 (Biểu 2.21).

Biểu 2.21. Hóa đơn GTGT

CHI NHÁNH MỸ ĐÌNH
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG THỊNH
Đ/C: Số 1 Lê Quang Đạo, X. Mỹ Đình, H. Từ
Liêm, TP. Hà Nội
MST: 0104915756-001
Điện thoại: (04)37857528 – Fax: (04)37857529

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 04 tháng 04 năm 2014

Mẫu số: 01GTKT2/001
Kí hiệu: TT/13P
Số: 0042974

Tên khách hàng: Mã số thuế: 0100705187
Đơn vị: Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội Số TK:
Địa chỉ: Ngõ Máy Kéo, khu Liên Cơ, thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, HN
Hình thức thanh toán: Tiền mặt

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu DO 0.05S	Lít	54	20.545,45	1.109.454
Thuế suất GTGT: 10%		Cộng tiền hàng:			1.109.454
Mức phí XD: đ/l		Tiền thuế GTGT:			110.945
		Tiền phí xăng dầu:			
		Tổng cộng tiền thanh toán:			1.220.399

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, hai trăm hai mươi nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Căn cứ vào các hóa đơn GTGT, biên bản giá trị khối lượng hoàn thành,... mà kế toán đội tập hợp và chuyển lên phòng kế toán vào cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 627 và các sổ liên quan khác. Công ty không sử dụng sổ chi tiết cho TK 627 cũng như chi tiết cụ thể cho TK 6271, TK 6274, TK 6277 mà chỉ dùng sổ cái nhập số liệu tổng hợp cuối kỳ cho TK 627.

Hình 2.8. Màn hình nhập liệu TK 6277

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tổng Hợp Nội - N.T.M 2014

He thống | Danh mục | Tổng hợp | Báo cáo | Trợ giúp

2014 | 11:17:06 | Thứ hai, ngày 22 tháng 06 năm 2015 | Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

Phân hệ

- Vốn bằng tiền
- Mua hàng - Phải trả
- Bán hàng - Phải thu
- Phải thu - trả khác

Vốn bằng tiền

Số dư đầu kỳ

Mã chứng từ: 1. PKKN - Phiếu kế toán khác

Số chứng từ: CN/4/03 | Ngày CT: 29/04/2014 | Hợp đồng: | Chưa ghi sổ cái | Chứng từ chưa có hóa đơn hợp lệ

Mã ông bà: | Tên ông bà: | Đội xây lắp số 3 | Mã ngoại tệ: VND | Tỷ giá: 1.00

Địa chỉ: | Copy sang chứng từ mới

Diễn giải: Mua đầu thi công CT trụ sở Cổ Nhuế | Hiện tên đối tượng

TK nợ	Tên tài khoản nợ	SP Nợ	TK có	Tên tài khoản có	SP Có	Mã DT	Tên DT	Tiền NT	Tiền VND	giải cđ
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	00050	141.011	Tạm ứng CP công trình	00050	NB00007	Đội xây lắp số 3		1 109 454	Mua d

Khai báo chi tiết thuế VAT cho chứng từ

Ngày HĐ	Số Serial	Số HĐ	Tiền tr. thuế n/tệ	Tiền tr. thuế VND	VAT	Tiền VAT N/tệ	Tiền VAT VND	TK nợ	SP Nợ	TK có	SP Có	Mã DT	DT
04/04/2014	CN/13P	0042974	0.00	1 109 454	10 MV01	0.00	110 945	1331.01	00050	141.011	00050	NB00007	

Kèm số chứng từ gốc: | Tổng tiền trước thuế: 1 109 454

Giấy giới thiệu: | Tổng tiền thuế VAT: 110 945

Ngày giấy giới thiệu: / / | Tổng tiền thanh toán: 1 220 399

Mới(F4) | Sửa(F3) | Lọc(F2) | In(F7) | Xóa(F8) | Báo cáo nhanh | Thoát(ESC) | Trước | Xem | Sau

start | CADS 10.0 - Công ty ... | untitle1.bmp - Paint | Bay Pro Internet Se... | Cảnh báo nguy hiểm!

NUM | 11:17:06

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2.22. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung khác
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG KHÁC

Công trình Cổ Nhuế năm 2014

Số hiệu: 12/23-CN

Ký hiệu	Số hiệu	NT HĐ	Tên NCC	Mặt hàng	Thành tiền	VAT	Tiền thuế	Tổng cộng
...
CN/13P	0042974	04/04/14	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh	Dầu DO	1.109.454	10%	110.945	1.220.399
TT/14P	0003563	05/04/14	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh	Dầu DO	917.073	10%	91.707	1.008.780
NH/12P	0078768	13/04/14	Công ty CP Nam Hồng	Dầu DO	1.105.036	10%	110.504	1.215.540
XN/14P	1095212	14/04/14	Công ty xăng dầu khu vực I	Dầu DO	912.800	10%	91.280	1.004.080
TT/14P	0006279	26/04/14	CN Mỹ Đình-Công ty CP ĐT PT	Dầu DO	826.327	10%	82.633	908.960
TT/11P	0000141	29/04/14	Công ty CP thí nghiệm kiểm	Thí nghiệm VLXD	11.040.000	10%	1.104.000	12.144.000
...
Tổng cộng					<u>44.815.429</u>	10%	4.481.543	49.296.972

(Nguồn: Đội xây lắp số 3)

Biểu 2.23. Sổ chi tiết TK 627

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT

Năm 2014

TK 627 – Chi phí sản xuất chung

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi số	Số CT		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				PS Nợ	PS Có
...
04/4	0042974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV, đầu DO – CT CN		141.011	1.109.454	
29/4	3/23-CN	29/04/2014	Tiền lương BCH T4/2014 – CT Cổ Nhuế		3348.1.00050	11.576.923	
29/4	3/23-CN	29/04/2014	Tiền lương quản lý đội T4/2014		3348.1	13.846.153	
29/4	3/23-CN	29/04/2014	CP khấu hao – CT Cổ Nhuế		2141.00050	6.480.502	
...
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí lương BCH CT Cổ Nhuế		154.02.00050		23.692.307
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí lương quản lý đội CT Cổ Nhuế		154.02.00050		51.352.256
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí BHXH, BHYT, BHTN đội 3 – CT Cổ Nhuế		154.02.00050		19.401.802
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí khấu hao TSCĐ CT Cổ Nhuế		154.02.00050		6.480.502
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí SXC khác CT Cổ Nhuế		154.02.00050		44.815.429
...
			Cộng số phát sinh:				

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

2.2.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

2.2.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại công ty

Sau khi tập hợp xong các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của từng công trình vào từng khoản mục gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, kế toán sẽ thực hiện tổng hợp chi phí sản xuất làm căn cứ để tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Để tổng hợp chi phí sản xuất, công ty sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, tài khoản 154 được mở chung cho các công trình, hạng mục công trình, phân biệt theo mã công trình.

Cuối kỳ, chi phí của công trình Cổ Nhuế được tập hợp vào từng khoản mục bao gồm toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Kế toán căn cứ vào tổng số phát sinh các chi phí và thực hiện các thao tác kết chuyển TK 621, 622, 627 sang bên Nợ TK 154. Phần mềm sẽ tự động nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 154.

Hình 2.9. Màn hình sổ chi tiết TK 154 (*)

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tài Nguyên - N'M 2014

He thống Danh mục Tổng hợp Báo cáo Trợ giúp Table

2014 09:56:18 Thứ hai, ngày 22 tháng 06 năm 2015 Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

So chi tiết tài khoản (F2 Tìm kiếm dữ liệu, F3 sửa chung từ góc, F7 in, F9 may tính, ESC thoát)

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	PS nợ	PS có	Ông bà	Mã KH	Tên khách hàng
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6233:00011	7 104 547			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6234:00011	82 665 088			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6237:00011	368 182			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6271:00011	269 487 315			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6277:00011	85 019 582			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6273:00011	71 062 619			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c CP thi công CT đường vành đai biê	6274:00011	14 461 004			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	632:00011		2 528 509 355		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	632:00011		1 660 000 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	632:00011		47 165 737		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	632:00011		576 597 376		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	621:00044	46 170 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	622:00044	16 160 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	6271:00044	1 837 107			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	6274:00044	980 502			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c chi phí thi công CT lắp đặt nội thất	6277:00044	2 108 146			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt nội	632:00044		46 170 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt nội	632:00044		16 160 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt nội	632:00044		4 925 755		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường C	621:00050	2 207 886 747	(1)		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường C	622:00050	635 230 000	(2)		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường C	6271:00050	94 446 365	(3)		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường C	6274:00050	6 480 502	(4)		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường C	6277:00050	44 815 429	(5)		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00050		2 207 886 747		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00050		635 230 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00050		145 742 296	(6)	NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường X	621:00052	451 670 384			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường X	622:00052	182 440 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường X	6271:00052	16 442 307			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường X	6277:00052	13 977 491			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00052		451 670 384		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00052		182 440 000		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/25-XP	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở phư	632:00052		30 419 798		NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/27-HV	K/c chi phí thi công CT Hồ v	621:00049	2 476 555 940			NB00007	Đội xây lắp số 3

NUM 9:56:18 6/22/2015

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

(*) Sổ cái TK 154 của Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội nhưng bị đặt tên là sổ chi tiết.

(1): Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Biểu 2.5 – tr 44)

(2): Tổng chi phí nhân công trực tiếp (Biểu 2.10 – tr 52)

(3): Tổng chi phí nhân viên – TK 6271

$$94.446.365 = 51.352.256 + 23.692.307 + 19.401.802 \text{ (Hình 2.6 – tr 66)}$$

(4): Tổng chi phí khấu hao TSCĐ – TK 6274 (Hình 2.7 – tr 67)

(5): Tổng chi phí SXC khác – TK 6277 (Biểu 2.22 – tr 72)

(6): Tổng chi phí SXC – TK 627

$$145.742.296 = 94.446.365 + 6.480.502 + 44.815.429$$

Biểu 2.24. Sổ nhật ký chung (trích)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
TÂY HÀ NỘI

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2014

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng					PS Nợ	PS Có
.....
28/2	0005046	05/02/2014	Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	x		6277.00050	596.873	
28/2	0005046	05/02/2014	Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	x		1331	59.687	
28/2	0005046	05/02/2014	Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	x		1111		656.560
.....
29/4	0000152	01/04/2014	Công ty TNHH đá mỹ nghệ Hải Anh, đá granit rubi đỏ	x		621.00050	18.000.000	
29/4	0000152	01/04/2014	Công ty TNHH đá mỹ nghệ Hải Anh, đá granit rubi đỏ	x		1331	1.800.000	
29/4	0000152	01/04/2014	Công ty TNHH đá mỹ nghệ Hải Anh, đá granit rubi đỏ	x		141.011		19.800.000

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng					PS Nợ	PS Có
29/4	0042974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV, dầu DO	x		6277.00050	1.109.454	
29/4	0042974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV, dầu DO	x		1331	110.945	
29/4	0042974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV, dầu DO	x		141.011		1.220.399
31/4	PK9/CN	31/04/2014	Xác định lương ban chỉ huy T4 CT Cổ Nhuế	x		6271.00050	11.576.923	
31/4	PK9/CN	31/04/2014	Xác định lương ban chỉ huy T4 CT Cổ Nhuế	x		3348.1.00050		11.576.9234
05/5	PK10/CN	05/05/2014	Xác định chi phí nhân công trực tiếp T4 CT CN	x		622.00050	345.800.000	
05/5	PK10/CN	05/05/2014	Xác định chi phí nhân công trực tiếp T4 CT CN	x		3348.1.00050		345.800.000
.....
30/12	PK20/CN	30/12/2014	Phân bổ lương quản lý đội vào CT Cổ Nhuế	x		6271.00050	51.352.256	
30/12	PK20/CN	30/12/2014	Phân bổ lương quản lý đội vào CT Cổ Nhuế	x		3348.1.00050		51.352.256
30/12	PK20/CN	30/12/2014	Trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ	x		6271.00050	19.401.802	

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng					PS Nợ	PS Có
31/12	PK20/CN	31/12/2014	Trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ	x		338		19.401.802
31/12	PK20/CN	31/12/2014	Phân bổ khấu hao TSCĐ dùng chung cho CT Cổ Nhuế	x		6274.00050	6.480.502	
31/12	PK20/CN	31/12/2014	Phân bổ khấu hao TSCĐ dùng chung cho CT Cổ Nhuế	x		2141		6.480.502
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí NVL trực tiếp CT Cổ Nhuế	x		154.02.00050	2.207.886.747	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí NVL trực tiếp CT Cổ Nhuế	x		621.00050		2.207.886.747
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công trực tiếp CT Cổ Nhuế	x		154.02.00050	635.230.000	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công trực tiếp CT Cổ Nhuế	x		622.00050		635.230.000
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí SXC CT Cổ Nhuế	x		154.02.00050	145.742.296	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công SXC CT Cổ Nhuế	x		6271.00050		94.446.365
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí khấu hao TSCĐ CT Cổ Nhuế	x		6274.00050		6.480.502
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí SXC khác CT Cổ Nhuế	x		6277.00050		44.815.429

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng					PS Nợ	PS Có
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c doanh thu xây lắp CT Cổ Nhuế	x		5111	3.143.629.043	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c doanh thu xây lắp CT Cổ Nhuế	x		911		3.143.629.043
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c hạng mục hoàn thành CT Cổ Nhuế	x		632.00050	2.988.859.043	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c hạng mục hoàn thành CT Cổ Nhuế	x		154.02.00050		2.988.859.043
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Xác định kết quả CT Cổ Nhuế	x		911	154.770.000	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Xác định kết quả CT Cổ Nhuế	x		4212		154.770.000
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c giá vốn CT Cổ Nhuế	x		911	2.988.859.043	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c giá vốn CT Cổ Nhuế	x		632.00050		2.988.859.043

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

2.2.3.2. Kế toán đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

Sản phẩm dở dang là các công trình, hạng mục công trình đã thi công nhưng đến cuối năm tức là cuối kỳ kế toán vẫn chưa xong hoặc chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán.

Đối với những công trình thi công trong năm có hạng mục công trình hoàn thành và được bên chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán thì những công trình này đến cuối năm, kế toán tổng hợp phải xác định giá thành của công trình được bên chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Căn cứ vào sổ dư Nợ đầu kỳ của TK 154 và toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, kế toán tính ra chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành của khối} \\ \text{lượng hoàn thành được} \\ \text{bên chủ đầu tư nghiệm} \\ \text{thu thanh toán} \end{array}$$

Trong đó, giá thành của khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành của khối lượng} \\ \text{hoàn thành được bên chủ đầu} \\ \text{tư nghiệm thu thanh toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu khối lượng hoàn} \\ \text{thành được bên chủ đầu tư} \\ \text{nghiệm thu thanh toán} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% khoán} \\ \text{chi phí trong} \\ \text{hợp đồng} \end{array}$$

Đối với những công trình thi công hoàn thành bàn giao trong năm thì sẽ không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và coi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bằng 0.

Đối với công trình cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế, do công trình đã hoàn thành và bàn giao ngay cho chủ đầu tư vào tháng 04/2014 nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của công trình bằng 0.

2.2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Dựa trên cơ sở tập hợp chi phí tại công ty và đặc điểm của ngành xây dựng thì đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm sẽ được tính cho từng công trình, hạng mục công trình.

Kỳ tính giá thành tại công ty theo kỳ kế toán nên cuối năm kế toán mới tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành cho đối tượng là các công trình, hạng mục công trình cần tính giá thành.

Hiện nay, công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn. Theo phương pháp này, toàn bộ các chi phí từ khi bắt đầu khởi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao hạng mục, công trình chính là giá thành thực tế.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ trên các biên bản xác nhận khối lượng sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành tính giá thành thực tế cho công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế công} \\ \text{trình hoàn} \\ \text{thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{thực tế phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Cuối năm, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết các chi phí sản xuất để lập bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp cho các công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Năm 2014, hạng mục “Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế” hoàn thành. Căn cứ vào sổ chi tiết các chi phí sản xuất của hạng mục công trình, kế toán lập được bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Biểu 2.25. Bảng tính giá thành sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP HOÀN THÀNH

Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế

Năm 2014

DVT: VNĐ

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ				Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	Giá thành sản phẩm
	Chi phí NVLT	Chi phí NCTT	Chi phí MTC	Chi phí SXC		
0	2.207.886.747	635.230.000	0	145.742.296	0	2.988.859.043

Kế toán trưởng

Người lập

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Công trình sau khi hoàn thành được bàn giao ngay cho chủ đầu tư và giá thành thực tế của công trình được kết chuyển thẳng sang TK 632.

Hình 2.10. Màn hình sổ chi tiết TK 632 (*)

CADS 10.0 - Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội - N'M 2014

He thong Danh muc Tong hop Bao cao Tro giup Table

2014 09:59:11 Thứ hai, ngày 22 tháng 06 năm 2015 Chúc Quý vị có một ngày làm việc vui vẻ!

Sổ chi tiết tài khoản (F2 tìm kiếm dữ liệu, F3 sửa chung từ góc, F7 in, F9 máy tính, ESC thoát)

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	PS nợ	PS có	Ông bà	Mã KH	Tên khách hàng
		Dư nợ đầu ngày						
		Tổng ps		28 492 440 670	28 492 440 670			
		Dư nợ cuối ngày						
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT đường vành đai biên giới	911		4 812 272 468			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT tái định cư CT6 Từ Liêm	911		6 855 287 091			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT đường GT nối đề tiên tân	911		1 541 861 236			
31/12/2014	03	K/c giá vốn lắp đặt nội thất công ty châu	911		67 255 755			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT XD công, tường rào, ... Q	911		1 665 637 098			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT Hồ vốc	911		6 650 956 673			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT trụ sở Phường cổ Nhuế	911		2 988 859 043			
31/12/2014	03	K/c giá vốn thuê máy CT Bắc ninh - Vinac	911		52 762 622			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT trụ sở Phường Xuân Phú	911		664 530 182			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT S/c chống thấm toà nhà V	911		52 782 500			
31/12/2014	03	K/c giá vốn CT Trồng mầm non Trung V	911		3 320 994 136			
31/12/2014	12/13-HQ	K/c hạng mục hoàn thành CT S/c toà nh	154.04.0005	26 850 000			NB00006	Đội XL số 5
31/12/2014	12/13-HQ	K/c hạng mục hoàn thành CT S/c toà nh	154.04.0005	25 932 500			NB00006	Đội XL số 5
31/12/2014	12/16ĐC	K/c hạng mục hoàn thành CT tái định cư	154.06.0003	3 894 724 304			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/16ĐC	K/c hạng mục hoàn thành CT tái định cư	154.06.0003	1 788 043 723			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/16ĐC	K/c hạng mục hoàn thành CT tái định cư	154.06.0003	5 516 544			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/16ĐC	K/c hạng mục hoàn thành CT tái định cư	154.06.0003	1 095 355 805			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/16ĐC	K/c hạng mục hoàn thành CT tái định cư	154.06.0003	71 646 715			NB00026	Đội xây lắp số 9
31/12/2014	12/17-TR	K/c hạng mục hoàn thành CT XD công, t	154.06.0004	1 104 376 095			NB00123	BCH công trình XD cơ
31/12/2014	12/17-TR	K/c hạng mục hoàn thành CT XD công, t	154.06.0004	434 100 000			NB00123	BCH công trình XD cơ
31/12/2014	12/17-TR	K/c hạng mục hoàn thành CT XD công, t	154.06.0004	58 551 923			NB00123	BCH công trình XD cơ
31/12/2014	12/17-TR	K/c hạng mục hoàn thành CT XD công, t	154.06.0004	68 609 080			NB00123	BCH công trình XD cơ
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	154.02.0001	2 528 509 355			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	154.02.0001	1 660 000 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	154.02.0001	47 165 737			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/19-BG	K/c hạng mục hoàn thành CT đường v	154.02.0001	576 597 376			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt n	154.02.0004	46 170 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt n	154.02.0004	16 160 000			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/21-LD	K/c hạng mục hoàn thành CT lắp đặt n	154.02.0004	4 925 755			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở ph	154.02.0005	2 207 886 747			NB00007	Đội xây lắp số 3
31/12/2014	12/23-CN	K/c hạng mục hoàn thành CT Trụ sở ph	154.02.0005	635 230 000			NB00007	Đội xây lắp số 3

NUM 9:59:11 6/22/2015

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

(*) Sổ cái TK 632 của Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội nhưng bị đặt tên là sổ chi tiết.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

3.1. Đánh giá về thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội

3.1.1. Ưu điểm

Về cơ bản kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty là phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác các chi phí sản xuất phát sinh trong mỗi kỳ và cung cấp thông tin kịp thời về giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp được xác định là công trình và hạng mục công trình, phù hợp với đặc điểm của hoạt động xây lắp, tạo điều kiện cho việc kiểm soát các chi phí, nâng cao trách nhiệm đối với các đối tượng liên quan. Đồng thời cung cấp thông tin chi tiết, cụ thể của từng công trình, hạng mục công trình.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là phương pháp trực tiếp phù hợp với sản xuất thi công mang tính đơn chiếc và đúng với quy định hiện hành, phương pháp này đơn giản và dễ thực hiện.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

– Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Tại mỗi công trình đều có kho vật tư riêng nên nguyên vật liệu mua về đều được chuyển thẳng tới công trình mà không phải qua kho của công ty. Điều này phù hợp với đặc điểm của sản phẩm xây lắp là thường ở các vị trí cách xa nhau và giúp công ty giảm thiểu chi phí phí bảo quản nguyên vật liệu và chi phí vận chuyển từ kho công ty đến từng công trình.

Bên cạnh đó, việc phòng kế hoạch hoặc phòng quản lý dự án dự toán và bóc tách số lượng nguyên vật liệu cần dùng theo từng đợt rồi trực tiếp đặt hàng với nhà cung cấp, giúp cho công ty có thể quản lý trực tiếp được số lượng và chất lượng nguyên vật liệu mua về cũng như số lượng nguyên vật liệu sử dụng cho mỗi công trình. Việc dự toán số lượng nguyên vật liệu cần dùng cho mỗi công trình là khá chính xác, nguyên vật liệu mua về bao nhiêu là dùng hết bấy nhiêu nên tại công trình số nguyên vật liệu cuối kỳ thường là không có.

- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Công ty áp dụng hình thức tính lương theo ngày làm việc, đảm bảo sự an tâm cho người lao động đồng thời việc hạch toán cũng dễ dàng.

- Kế toán chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung được chi tiết theo từng yếu tố chi phí như chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài... nên giúp các cán bộ kế toán dễ dàng trong việc quản lý chi phí sản xuất chung.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thì vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục:

- a). Về bộ máy kế toán:

Hiện nay, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình quản lý tập trung là phù hợp. Tuy nhiên, trong tương lai gần, khi quy mô công ty mở rộng hơn nữa và có nhiều đội thi công công trình thì mô hình quản lý tập trung không còn phù hợp vì như thế sẽ làm cho khối lượng công việc phòng kế toán phải xử lý vào cuối tháng là rất lớn, gây áp lực về công việc cũng như thời gian dẫn đến những sai sót có thể xảy ra.

- b). Về chứng từ kế toán:

- Các số liệu chi tiết, bảng kê khai của công trình, phòng kế toán dựa hoàn toàn vào số liệu của kế toán đội. Điều này có thể gây ra sai sót hoặc gian lận trong quá trình tính giá.
- Công ty cũng chưa có bảng tính khấu hao chi tiết tháng cho TSCĐ dùng chung.

- c). Về trình độ kế toán:

Trình độ kế toán của công ty còn yếu kém, chưa tận dụng được tối đa lợi ích của phần mềm, sổ sách và chứng từ còn lộn xộn.

- d). Về phần mềm kế toán:

- Công ty tuy sử dụng phần mềm kế toán, nhưng phần mềm không được cập nhật và sửa lỗi, cùng với hệ thống máy móc lâu ngày hoạt động kém, dẫn đến sai sót và chậm trễ, nên kế toán mặc dù nhập máy nhưng lại đồng thời xử lý sổ sách trên phần mềm Excel.
- Khi nhập số liệu nhập kho cho nguyên vật liệu, công ty không nhập vào phân hệ “Hàng tồn kho” mà lại hạch toán vào “Phiếu kế toán khác”. Quy trình hạch toán các nghiệp vụ phát sinh không đúng nguyên tắc: nhập kho nguyên vật liệu nào, xuất kho nguyên vật liệu đó. Điều này cho thấy kế toán chưa khai

thác tốt phần mềm một cách triệt để, làm giảm ý nghĩa của việc sử dụng phần mềm.

- Các nghiệp vụ phát sinh của công trình chưa được cập nhật kịp thời, đúng thời điểm.

e). Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất:

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là một khoản mục chi phí rất quan trọng, chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp. Tuy nhiên, đây cũng là một trong những loại chi phí khó kiểm soát nhất của các công ty kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp. Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội, nguyên vật liệu trực tiếp khi mua về được sử dụng ngay nhưng kế toán vẫn hạch toán thông qua TK 152 và công ty cũng không sử dụng phiếu xuất, nhập kho:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK liên quan (141,331,111,...)

Sau đó cuối kỳ mới ghi nhận chi phí:

Nợ TK 621

Có TK 152

Việc hạch toán này là không sai nhưng không cần thiết và tốn thời gian cho kế toán. Hơn nữa trong quá trình hạch toán, kế toán cũng làm tắt, không ghi nhận chi phí “Nợ TK 621” cho từng nguyên vật liệu khi sử dụng mà chỉ đến cuối kỳ mới nhập số liệu tổng chi phí.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Vì đặc điểm của sản phẩm xây lắp nên công ty sử dụng một lượng lớn lao động thuê ngoài. Tuy nhiên, một số lao động thuê ngoài có trình độ chuyên môn không cao và thiếu kinh nghiệm làm việc dẫn đến công ty thường phải đào tạo lại, gây tốn kém về chi phí và thời gian.

Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công ty còn chưa hợp lý, chưa đúng quy trình:

- Khi đội nhận tiền ứng trước:

Nợ TK 141

Có TK 111,112

- Khi trả lương hàng tháng cho nhân công:

Nợ TK 334

Có TK 141

- Cuối kỳ kế toán mới ghi nhận chi phí:

Nợ TK 622

Có TK 334

Kế toán ghi giảm nợ phải trả TK 334 trước khi ghi có. Công ty hạch toán như vậy là sai thứ tự cũng như nguyên tắc kế toán.

Kế toán chi phí sản xuất chung:

Việc phân bổ TSCĐ dùng chung cho nhiều công trình không theo nguyên tắc kế toán, không minh bạch và mang tính chất cá nhân của người làm kế toán. Cách tính khấu hao theo năm cũng không phù hợp với tính chất ngành xây lắp.

e). Về hệ thống sổ kế toán:

- Công ty không mở sổ chi tiết TK 621, TK 622, TK 627 cho từng công trình, hạng mục công trình.
- Công ty không mở sổ chi tiết cho các tiểu khoản (TK 6271, 6274) của TK 627.
- Công ty chỉ sử dụng nhật ký chung và sổ cái để theo dõi các tài khoản, dùng số liệu tổng hợp của kế toán đội. Thêm vào đó hệ thống sổ cái cũng bị dùng sai tên gọi, sổ cái nhưng đặt tên là sổ chi tiết.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Trong quản lý doanh nghiệp, kế toán được coi là công cụ quan trọng bậc nhất, được coi như nghệ thuật ghi chép, phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định phù hợp với mục đích của từng đối tượng sử dụng thông tin. Trong công tác kế toán, kế toán tập hợp chi phí sản xuất là một trong những phần hành quan trọng cơ bản nhất. Bởi chi phí sản xuất luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất không những giúp cho doanh nghiệp tính đúng, tính đủ, chính xác, kịp thời chi phí mà còn giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm được chi phí một cách tối đa, tăng lợi nhuận và phát huy khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt trong điều kiện khoa học kỹ thuật phát triển như ngày nay, các doanh nghiệp cần nhanh chóng,

mau lẹ, ứng dụng và khai thác triệt để các thành tựu đó để không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Lợi nhuận là yếu tố sống còn của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và cũng là một trong số các mục tiêu chính của công ty. Để có lãi đòi hỏi công ty phải quản lý tốt khâu vật tư, tài sản, tiền vốn và lao động trên cơ sở tổ chức hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất và giá thành. Từ đó giúp nhà quản lý có được thông tin cần thiết để đưa ra quyết định tối ưu nhất.

Phương hướng chung để hoàn thiện công tác quản lý nói chung cũng như chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng là tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có, tìm cách khắc phục những tồn tại nhằm đảm bảo hạch toán đúng chế độ Nhà nước quy định và đáp ứng được nhu cầu quản trị doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

Để phát huy được những ưu điểm, khắc phục những hạn chế trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty thì cần phải đáp ứng những nguyên tắc cơ bản sau đây :

- Hoàn thiện phải dựa trên nguyên tắc thống nhất tổ chức :
 - + Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất giữa chỉ tiêu quản lý và chỉ tiêu hạch toán.
 - + Doanh nghiệp cũng phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp hạch toán trong một niên độ kế toán. Doanh nghiệp chọn phương pháp hạch toán phải sử dụng hết chu kỳ kế toán (1 năm) mới được phép thay đổi.
 - + Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất về hệ thống TK và sổ kế toán.
- Hoàn thiện phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành mà nhà nước đã xây dựng và ban hành. Trên cơ sở chính sách của nhà nước, công ty có thể vận dụng linh hoạt cho phù hợp với doanh nghiệp mình. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán, lập báo cáo.
- Hoàn thiện cũng phải dựa trên cơ sở lựa chọn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty về ngành nghề sản xuất kinh doanh, điều kiện cơ sở vật chất.
 - + Doanh nghiệp đảm bảo sự phù hợp về qui mô hoạt động.
 - + Sự phù hợp với yêu cầu về trình độ quản lý.
 - + Doanh nghiệp phải tính đến khả năng hạch toán của đơn vị, sự phù hợp về nhân sự, cũng như thay đổi về nhân sự.

- + Việc ghi nhận chi phí phải phù hợp. Đó là sự phù hợp giữa ghi nhận giữa doanh thu và chi phí ghi nhận 1 khoản doanh thu thì phải ghi nhận 1 khoản chi phí liên quan đến việc tạo doanh thu đó.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về những thông tin kinh tế kịp thời, chính xác nhằm thực hiện tốt chức năng của kế toán. Giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất.
- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm và phải đưa ra các giải pháp có tính khả thi cao, các biện pháp không chỉ mang lại hiệu quả trong hiện tại mà phải có lợi ích lâu dài trong tương lai. Mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận với chi phí tối thiểu, do vậy hoàn thiện đi đôi với tiết kiệm. Đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với công ty trong nền kinh tế thị trường.

3.4. Các giải pháp hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

3.4.1. Hoàn thiện bộ máy kế toán

Phòng kế toán là trung tâm thực hiện kế toán tổng hợp, các công trình cần tổ chức các chứng từ kế toán phát sinh, chịu trách nhiệm về kế toán tại công trình. Việc tổ chức này giúp giảm bớt khối lượng công việc cho phòng kế toán trung tâm. Mô hình kế toán vừa tập trung, vừa phân tán rất phù hợp đối với công ty trong thời gian tới. Tuy nhiên, hiện nay tại các công trình cũng có kế toán nhưng đó là những người do chỉ huy trưởng công trình lựa chọn và kế toán công trình chỉ có nhiệm vụ tập hợp các chứng từ phát sinh và cuối tháng chuyển lên phòng kế toán nên điều đó có thể không khách quan. Để thực hiện hiệu quả mô hình vừa tập trung vừa phân tán trong điều kiện công ty mở rộng quy mô sản xuất thì công ty phải tiến hành bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ phòng kế toán cũng như tuyển thêm nhân sự kế toán và gửi xuống các công trình để thực hiện kế toán tại công trình chứ không đơn thuần là chỉ tập hợp các chứng từ phát sinh.

3.4.2. Hoàn thiện chứng từ kế toán

Kế toán công ty nên theo dõi sát sao việc tập hợp chứng từ của kế toán đội, từ đó tự lập các bảng kê chi tiết để đối chiếu với số liệu của kế toán đội, giúp giảm thiểu khả năng sai sót cũng như gian lận.

3.4.3. Hoàn thiện trình độ kế toán

Công ty nên có các khóa đào tạo ngắn hạn cho nhân viên để bổ sung kiến thức cũng như khả năng trong công việc của kế toán, giúp kế toán cập nhật kịp thời các phương thức, các nghị định, chính sách kế toán mới.

3.4.4. Hoàn thiện phần mềm kế toán

Tình trạng lỗi phần mềm và hệ thống máy móc cũ, lạc hậu là vô cùng cấp bách đối với công ty. Để cải thiện tình trạng này, công ty cần có phương án nâng cấp, sửa lỗi phần mềm để đáp ứng kịp thời cho công tác kế toán. Ngoài ra, cần thay mới hệ thống máy móc (máy tính, máy in...), tránh để gián đoạn, chậm tiến độ công việc.

Về việc sử dụng phần mềm kế toán máy, kế toán công ty đều sử dụng chứng từ tổng hợp hay phiếu hạch toán để nhập thủ công dù phần mềm đã có nhiều phân hệ rất rõ ràng và tiện dụng.

VD: Khi hạch toán chi phí thi công, thay vì nhập thủ công thì kế toán có thể sử dụng phân hệ “*Vật tư tồn kho*” để hạch toán cho tất cả các TK 621, 622, 623, 627, cụ thể như sau:

Sau khi mở phần mềm, tại giao diện chính, chọn phân hệ “*Vật tư tồn kho*”, rồi vào danh mục “*Xuất vật tư đích danh*”

Hình 3.1. Màn hình phân hệ



Cửa sổ của xuất vật tư đích danh sẽ hiện lên:

Hình 3.2. Màn hình chi tiết phân hệ

The screenshot shows the CADS 10.0 software interface. The main window displays the 'Phân hệ' (System) menu on the left, with options like 'Vốn bằng tiền', 'Mua hàng', 'Bán hàng', etc. The central area shows a form for 'Xuất vật tư đích danh' (Specific Purpose Material Output). The form includes fields for 'Mã chứng từ' (Document Code), 'Số CT' (Document Number), 'Ngày CT' (Document Date), 'Mã ông bà' (Company Code), 'Ông bà' (Company Name), 'Mã NT' (Warehouse Code), and 'Tỷ giá' (Exchange Rate). Below these fields is a table with columns: 'Số CT nhập', 'Mã hàng', 'Tên hàng', 'ĐVT' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Giá NT' (Unit Price), 'Tiền NT' (Unit Value), 'Giá VND', and 'Tiền VND' (Value VND). The bottom of the form has a 'Tổng tiền xuất' (Total Output Value) field and a 'Lưu vào Data thuế' (Save to Tax Data) button. The Windows taskbar at the bottom shows the system clock as 5:01 PM on 4/2/2015.

Tại cửa sổ của “Xuất vật tư đích danh”, có thể nhập chi tiết cho vật tư, số lượng, TK nợ, có... vì vậy việc hạch toán chi phí, theo dõi vật tư, kho bãi vô cùng tiện lợi.

Ngoài ra, còn có thể chọn chứng từ : *Phiếu nhập xuất thẳng vật tư*

The screenshot shows the 'Phiếu nhập xuất thẳng vật tư' (Direct Material Input/Output Slip) form. The form includes fields for 'Mã chứng từ' (Document Code), 'Số CT' (Document Number), 'Ngày CT' (Document Date), 'Mã NT' (Warehouse Code), and 'Tỷ giá' (Exchange Rate). Below these fields is a table with columns: 'Số CT nhập', 'Mã hàng', 'Tên hàng', 'ĐVT' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Giá NT' (Unit Price), 'Tiền NT' (Unit Value), 'Giá VND', and 'Tiền VND' (Value VND). The bottom of the form has a 'Tổng tiền xuất' (Total Output Value) field and a 'Lưu vào Data thuế' (Save to Tax Data) button. The Windows taskbar at the bottom shows the system clock as 5:01 PM on 4/2/2015.

Phiếu nhập thẳng vừa cho phép theo dõi công nợ với người bán, vừa cho phép hạch toán chi phí sản xuất. Như vậy sẽ có hai cặp định khoản kèm theo:

a. Định khoản 1: Định khoản công nợ phải trả

Ghi nợ: TK 152, 153, 156,...

Ghi có : TK 331...

b. Định khoản 2: Định khoản chi phí

Ghi nợ: TK 621, 623, 627, 622,...

Ghi có : TK 152, 153,...

Sử dụng phiếu nhập xuất thẳng sẽ giảm thiểu thời gian thao tác, tiết kiệm được công sức.

3.4.5. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất

a). Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tại ngay thời điểm kế toán đội nộp hóa đơn chứng từ lên phải hạch toán ngay chứ không chờ đến cuối năm mới ghi nhận chi phí.

Khi hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán có thể hạch toán thẳng vào chi phí mà không cần thông qua TK 152, vẫn đảm bảo các nguyên tắc, áp sát thực tế và giảm bớt việc nhập liệu cho kế toán.

Nợ TK 621

Nợ TK 133

Có TK 141/111/112/...

b). Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

– Công ty nên hạch toán đúng quy trình kế toán tiền lương:

+ Khi đội nhận tiền ứng trước:

Nợ TK 141

Có TK 111, 112

+ Khi đội tính ra lương thì ghi nhận:

Nợ TK 622

Có TK 334

+ Khi đội trả lương cho nhân công:

Nợ TK 334

Có TK 141

– Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất hàng quý. Kế toán Công ty nên thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất. Bởi vì khoản tiền lương nghỉ phép phát sinh giữa các kỳ là không đồng đều nên nếu không thực hiện trích trước sẽ làm cho giá thành các kỳ không ổn định. Công ty thực hiện trích tiền lương nghỉ phép theo công thức sau:

$$\text{Mức trích trước tiền lương Nghỉ phép của CNTT SX hàng kỳ} = \frac{\text{Tiền lương thực tế phải trả công nhân trực tiếp trong kỳ}}{\text{tháng}} \times \text{Tỷ lệ trích trước}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\text{Tổng tiền lương công nhân nghỉ phép theo kế hoạch}}{\text{Tổng tiền lương chính phải trả cả năm cho công nhân theo kế hoạch}} \times 100$$

Khi trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất, kế toán ghi

Nợ TK 622

Có TK 335

Khi chi phí thực tế phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 335

Có TK 334

Cuối niên độ, nếu chi phí thực tế phát sinh lớn hơn chi phí trích trước, kế toán ghi:

Nợ TK 622

Có TK 335

Nếu chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn chi phí đã trích trước, kế toán ghi:

Nợ TK 335

Có TK 622

- Các khoản tiền lương chi trả cho cán bộ công nhân viên trong quá trình đi công tác cần phải giao trực tiếp cho bộ phận chuyên môn. Bộ phận này có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thi công từ các đội về công ty.
- Tạo ra một môi trường làm việc thật sự bình đẳng, nếu làm tốt có khen thưởng, nếu làm kém có kỷ luật, tránh tình trạng bao che dung túng những người có tội. Lắng nghe những ý kiến từ phía người lao động, để biết được những mặt được và những mặt còn chưa được đối với họ. Có thưởng, có phạt công minh, công bằng và cần thường xuyên quan tâm động viên, khuyến khích họ lao động, giúp đỡ khi họ gặp khó khăn.
- Cần có một chính sách tiền lương, tiền thưởng thích hợp với từng thời kỳ cụ thể. Những lao động phải làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, ngoài tiền lương công ty nên có thêm tiền thưởng thích hợp, khuyến khích các cán bộ công nhân viên tham gia. Số tiền thưởng được hạch toán như sau:

Nợ TK 622 - (Chi tiết theo bộ phận)

Có TK 334 - Tiền thưởng phải trả cho cán bộ công nhân viên.

c). Kế toán chi phí sản xuất chung

Công ty nên lập hệ thống sổ khấu hao TSCĐ theo tháng để tiện việc theo dõi, nhất là đối với các TSCĐ dùng chung cho nhiều công trình phải được áp dụng các phương thức phân bổ hợp lý, thống nhất.

Công ty có thể áp dụng các phương thức phân bổ khấu hao cho TSCĐ dùng chung nhiều công trình như: phân bổ theo thời gian sử dụng, phân bổ theo khối lượng công trình,....

Bảng 3.1. Mẫu sổ tính khấu hao TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

BẢNG TĂNG GIẢM, TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ 01/01/2014 – 31/12/2014

ST T	Tên tài sản	Nguyên giá	Thời gian tăng giảm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tổng nguyên giá	Thời gian sử dụng	KH lũy kế 2013	Tăng KH T1-6/2014	Tăng KH T7-12/2014	Giảm KH 2014	KH lũy kế 2014	GTCL
A	<u>TÀI SẢN CÔNG TY</u>												
I	Nhà cửa, vật kiến trúc												
II	Máy móc thiết bị												
III	Phương tiện GTVT												
IV	Thiết bị dụng cụ quản lý												
B	<u>TÀI SẢN ĐỐI</u>												
I	Máy móc thiết bị												
II	Phương tiện GTVT												
1	Ô tô Hilux bán tải 2 cầu 3.0	583.245.143				583.245.143	10	233.298.056	29.162.257	29.162.257	-	291.622.570	291.622.573
..
	Cộng												

3.4.6. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Với đặc thù ngành xây lắp, công ty nên mở thêm hệ thống sổ chi tiết cho các TK 621, 622, 627,... và chi tiết cho từng công trình để tiện cho việc theo dõi cũng như đối chiếu số liệu. Ngoài ra, công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết 6271 – Chi phí tiền lương để phản ánh tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý đội, phản ánh các khoản trích trên tiền lương theo quy định hiện hành (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN), và TK 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ.

Ví dụ các mẫu sổ chi tiết cho công trình Cổ Nhuế như sau :

Bảng 3.2. Mẫu sổ chi tiết TK 621**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621 THEO CÔNG TRÌNH****Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014****Mã CT: 00050***ĐVT: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
...
28/2	2075	03/02/2014	Công ty TNHH trang thiết bị	152.02	4.250.000	
...
29/4	152	01/04/2014	Công ty cổ phần XD & SX đá mỹ nghệ Hải Anh, đá granit	152.02	18.000.000	
29/4	153	04/04/2014	Công ty cổ phần XD & SX đá mỹ nghệ Hải Anh, đá granit	152.02	14.400.000	
29/4	191	10/04/2014	Công ty CP thép và TM HN	152.02	17.504.000	
29/4	379	12/04/14	DN tư nhân Bang Tùng ,gỗ chống, gỗ đà nẹp	152.02	7.000.000	
29/4	945	17/04/2014	Công ty TNHH HTQ, sơn K209	152.02	55.600.000	
...
29/4	653	28/04/2014	DNTN SX TM Thịnh Ngộ, tôn lợp mạ màu	152.02	147.227.500	
31/12	12/23- CN	31/12/2014	K/c chi phí thi công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	154.02		2.207.886.747
			Phát sinh trong kỳ:		2.207.886.747	2.207.886.747
			Số dư cuối kỳ:			

Bảng 3.3. Mẫu sổ chi tiết TK 622

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622 THEO CÔNG TRÌNH

Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014

Mã CT: 00050

DVT: VND

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
31/3	PK8/CN	31/03/2014	CP nhân công trực tiếp T3	3348.1	289.430.000	
29/4	PK10/CN	29/04/2014	CP nhân công trực tiếp T4	3348.1	345.800.000	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công trực tiếp CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	154.02		635.230.000
			Phát sinh trong kỳ:		635.230.000	635.230.000
			Số dư cuối kỳ:			

Bảng 3.4. Mẫu sổ chi tiết TK 6271**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6271 THEO CÔNG TRÌNH****Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014****Mã CT: 00050***DVT: VND*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
31/3	PK7/CN	31/03/2014	CP lương ban chỉ huy T3	3348.1	12.115.384	
29/4	PK9/CN	29/04/2014	CP lương ban chỉ huy T4	3348.1	11.576.923	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	P/bổ CP lương quản lý đội	3348.1	51.352.256	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Trích BHYT, BHXH, KPCĐ	338	19.401.802	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	154.02		94.446.365
			Phát sinh trong kỳ:		94.446.365	94.446.365
			Số dư cuối kỳ:			

Bảng 3.5. Mẫu sổ chi tiết TK 6274**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6274 THEO CÔNG TRÌNH****Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014****Mã CT: 00050***DVT: VND*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Phân bổ CP KH TSCĐ	214	6.480.502	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí khấu hao TSCĐ	154.02		6.480.502
			Phát sinh trong kỳ:		6.480.502	6.480.502

Bảng 3.6. Mẫu sổ chi tiết TK 6277

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6277 THEO CÔNG TRÌNH

Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014

Mã CT: 00050

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
28/2	4655595	01/02/2014	VNPT, cước điện thoại	111	130.852	
...
29/4	42974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh, dầu DO	141.011	1.109.454	
29/4	3563	05/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh, dầu DO	141.011	91.707	
29/4	78768	13/04/14	Công ty CP Nam Hồng, dầu DO	112	1.105.036	
29/4	1095212	14/04/14	Công ty xăng dầu khu vực I, dầu DO	111	912.800	
29/4	6279	26/04/14	CN Mỹ Đình - Công ty CP ĐT PT, dầu DO	111	826.327	
...
29/4	141	29/04/14	Công ty CP thí nghiệm kiểm, thí nghiệm VLXD	331	11.040.000	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí SXK khác	154.02		44.815.429
			Phát sinh trong kỳ:		44.815.429	44.815.429
			Số dư cuối kỳ:			

Bảng 3.7. Mẫu sổ chi tiết TK 627**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH****Công trình: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế năm 2014****Mã CT: 00050***ĐVT: VNĐ*

Ngày ghi sổ	Số CT		Diễn giải	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ:			
....	
31/3	PK7/CN	31/03/2014	CP lương ban chỉ huy T3	3348.1	12.115.384	
29/4	42974	04/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh, dầu DO	141.011	1.109.454	
29/4	3563	05/04/2014	Công ty CP ĐT PT TM & DV Trường Thịnh, dầu DO	141.011	91.707	
.....	
29/4	PK9/CN	29/04/2014	CP lương ban chỉ huy T4	3348.1	11.576.923	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	P/bổ CP lương quản lý đội	3348.1	51.352.256	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Trích BHYT, BHXH, KPCĐ	338	19.401.802	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	Phân bổ CP KH TSCĐ	214	6.480.502	
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí nhân công CT Trụ sở Phường Cổ Nhuế	154.02		94.446.365
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí khấu hao TSCĐ	154.02		6.480.502
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí SXC khác	154.02		44.815.429
31/12	12/23-CN	31/12/2014	K/c chi phí sản xuất chung	154.02		145.742.296
			Phát sinh trong kỳ:		145.742.296	145.742.296
			Số dư cuối kỳ:			

3.4.7. Một số kiến nghị khác

Công ty cần lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh của từng công trình để biết lợi nhuận gộp của từng công trình theo mẫu sau:

Bảng 3.8. Báo cáo kết quả kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CT: Cải tạo trụ sở phường Cổ Nhuế

Thời gian thi công : Từ đến

TT	Nội dung	Giá trị		Chênh lệch	Tỷ trọng	Ghi chú
		Dự toán (Báo giá)	Thực tế thi công			
I	Doanh thu công trình		3.143.629.043			
II	Chi phí công trình		2.988.859.043			
1	Chi phí nguyên vật liệu		2.207.886.747			
1.1	Nguyên vật liệu chính		2.207.886.747			
1.2	Nguyên vật liệu phụ					
2	Chi phí nhân công		635.230.000			
2.1	Chi phí nhân công của công ty					
2.2	Chi phí thuê thầu phụ					
3	Chi phí chung		145.742.296			
3.1	Chi phí lán trại, thuê nhà cho công nhân					
3.2	Chi phí ăn uống, tiếp khách					
3.3	Chi phí điện thoại, điện nước					
3.4	CP văn phòng phân bổ					
3.5	Chi phí khác					
III	Chênh lệch (I) - (II)		154.770.000			

Ngoài ra, cần mở thêm báo cáo chi tiết theo mẫu sau để biết lợi nhuận gộp của từng công trình.

Bảng 3.9. Báo cáo lợi nhuận từng công trình

BÁO CÁO LỢI NHUẬN THUẦN TỪNG CÔNG TRÌNH

Từ ngày: / / 2014 đến ngày: / / 2014

Stt	Tên công trình	Doanh thu	Giá vốn hàng bán	Chi phí bảo hành	Lãi gộp	Phân bổ chi phí quản lý	Lợi nhuận thuần
1	CT Cổ Nhuế	3.143.629.043	2.988.859.043	-	154.770.000	-	
2							
3							

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh để tồn tại và phát triển giữa các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan. Bởi vậy, doanh nghiệp hoặc là phải thường xuyên hoàn thiện mình tiến lên phía trước, chiến thắng trong cạnh tranh. Nếu không doanh nghiệp sẽ bị tụt hậu, trượt khỏi quỹ đạo chung của nền kinh tế, làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản nếu không biết phát huy những tiềm năng và nắm bắt kịp thời sự thay đổi trên thương trường.

Việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một vấn đề mà các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu. Để hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đó chính là việc cần thiết của mỗi doanh nghiệp.

Là công cụ quản lý quan trọng, kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng phải luôn được cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác quản lý ở từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vai trò của ngành xây dựng cơ bản là tạo điều kiện vật chất cho xã hội, tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng cho đất nước.

Sau quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội, được sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn, phòng kế toán tại công ty đã giúp đỡ em hoàn thành báo cáo tốt nghiệp với đề tài: "Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội".

Trong bài khóa luận này, em đã trình bày thực trạng về tình hình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình tại công ty đồng thời cũng mạnh dạn trình bày một số kiến nghị của mình với nguyện vọng góp phần giúp cho công ty hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho hợp lý, đúng với chế độ về tài chính kế toán, khắc phục được những hạn chế để trong một thời gian không xa nữa công ty sẽ đạt được những thành tích lớn hơn nữa, tự khẳng định mình trên thị trường.

Do thời gian tìm hiểu thực tế còn ngắn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên những vấn đề em nêu ra không tránh khỏi sai sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới cô giáo – Ths. Mai Thanh Thủy cùng ban lãnh đạo và tập thể cán bộ Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội, đặc

biệt các cô chú, anh chị trong phòng tài chính kế toán đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong quá trình thực tập, giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề thực tập của mình.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2015

Sinh viên

Trần Thị Quỳnh Anh

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1 - Bảng thanh toán lương ban chỉ huy tháng 3/2014

Phụ lục 1. Bảng thanh toán tiền lương ban chỉ huy tháng 3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÂY HÀ NỘI

Địa chỉ: Khu Liên Cơ- TT Cầu Diễn- Từ Liêm- Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CBCNV – BAN CHỈ HUY

CÔNG TRÌNH CỔ NHUẾ

Tháng 03 năm 2014

PK7/CN

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương chính		Số ngày công	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản giảm trừ					Thu nhập thực lĩnh	Ký nhận
			Lương CB	Lương theo HD/ tháng					Tạm ứng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng		
A	B	C	1	2	3	$4=(2/26)*\frac{3}{3}$	5	$6=(4+5)$	7	$8=(1*8\%)$	$9=(1*1,5\%)$	$10=(1*1\%)$	$11=(7+8+9+10)$	$12=(7-11)$	D
1	Trần Văn Phát	Kỹ thuật	3.047.500	7.000.000	21	5.653.846	2.000.000	7.653.846		243.800	45.713	30.475	319.988	7.338.858	
2	Nguyễn Đức Lai	K.toán	3.404.000	4.500.000	20	3.461.538	1.000.000	4.461.538		272.320	51.060	34.040	357.420	4.104.118	
	Tổng cộng		6.451.500	11.500.000	41	9.115.384	3.000.000	<u>12.115.384</u>	-	516.120	96.773	64.515	677.408	11.437.976	

Bằng chữ : Mười một triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm bảy sáu đồng.

Người lập biểu

Kế toán

Người duyệt

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS Nguyễn Thị Đông (2007), “*Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán*”, NXB Tài Chính.
2. PGS. TS Nghiêm Văn Lợi (2007), “*Giáo trình kế toán tài chính*”, NXB Tài Chính.
3. Một số quyết định, thông tư của Bộ Tài Chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.
4. Một số luận văn của anh chị khóa trước.
5. Các tài liệu của Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà Nội.